



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ



**Nuôi Dưỡng
Thành Công**

Cho mùa bội thu

www.dpm.vn



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CTCP
Lầu 3, số 2 Bis - 4 - 6 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP.HCM
ĐT: +84 8 38 256 258 Fax: +84 8 38 256 269
damphumy@pvfcco.com.vn

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CTCP

BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010



DPM
FERTILIZER & CHEMICALS

Cho mùa bội thu

BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

Lời ngỏ

TỪ XÂY DỰNG NỀN TẢNG ĐẾN NUÔI DƯỠNG THÀNH CÔNG

Thưa quý cổ đông và nhà đầu tư,

Trước khi quý vị lật giở các trang tiếp theo của cuốn Báo cáo thường niên năm 2010 này, chúng tôi mong quý vị dừng lại một chút để cùng trở lại Báo cáo thường niên năm 2009 với chủ đề **“Xây dựng nền tảng”**, để cập đến việc tích lũy, dựng xây, vun đắp cho sự tăng trưởng bền vững, thành công trong dài hạn thông qua chiến lược tối ưu hóa năng lực quản trị, nâng cao chất lượng, mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm và duy trì các hoạt động an sinh xã hội.

Như cây trồng được chăm bón đủ đầy đã đến độ đơm hoa kết trái, với Báo cáo thường niên năm 2010 cùng chủ đề **“Nuôi dưỡng thành công”**, chúng tôi muốn chia sẻ cùng quý vị về sự phát triển tiếp nối từ nền tảng vững bền của những năm trước và về những thành tựu đạt được trong năm 2010. Ngoài những mốc son nổi bật mà năm 2010 đã ghi dấu ấn vào sự thành công rực rỡ của cả giai đoạn 5 năm 2006-2010 của Tổng công ty, thông qua Báo cáo này, chúng tôi còn muốn nhấn mạnh đến những định hướng dài hạn, những cam kết, những sự nỗ lực hết mình để nuôi dưỡng thành công cùng nhiệt huyết, niềm tin và sự quyết tâm cho sự tăng tốc, đột phá trong giai đoạn phát triển tiếp theo của Tổng công ty.

Và bây giờ, xin mời quý vị đến với **“Nuôi dưỡng thành công”**!

Nuôi Dưỡng Thành Công



Tầm nhìn

Phát triển trở thành doanh nghiệp số 1 của Việt Nam và hàng đầu trong khu vực về lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón, hóa chất nông được và hóa chất phục vụ ngành dầu khí.

Sứ mệnh

Sản xuất, cung ứng nguồn phân bón và hóa chất phong phú, đáng tin cậy với giá cả hợp lý và điều kiện tốt nhất cho khách hàng trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, góp phần tích cực vào sự phát triển bền vững của nền nông nghiệp và kinh tế đất nước.

MỤC LỤC

KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ (4-5)

- Lịch sử hoạt động của Tổng công ty (6-11)
- Ưu thế vượt trội (12-15)
- Định hướng phát triển cho tương lai (16-17)
- Những sự kiện và thành tích nổi bật 2010 (18-19)
- Các giải thưởng và danh hiệu nổi bật năm 2010 (20-21)

Tầm nhìn và Sứ mệnh (1)

Thông điệp của Ban lãnh đạo Tổng công ty (2-3)

TỐI ƯU HỆ THỐNG (62-63)

- Các Công ty có liên quan (64-67)
- Hệ thống phân phối (68-69)

PHÁT HUY NGUỒN LỰC (22-23)

- Sơ đồ tổ chức (24-25)
- Hội đồng quản trị (26-27)
- Ban Tổng giám đốc (28-29)
- Ban kiểm soát (30)
- Thông tin Ban lãnh đạo (31-33)
- Tổ chức và nhân sự (34-35)
- Báo cáo của Hội đồng quản trị (36-39)
- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc (40-43)
- Kế hoạch 2011 (44-49)
- Thông tin cổ đông và Quản trị công ty (50-57)
- Quan hệ nhà đầu tư (58-59)
- Quản trị rủi ro (60-61)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (78-103)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ (104-128)

QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG (70-71)

- An sinh xã hội và Hoạt động cộng đồng (72-73)
- Báo cáo bền vững (74-77)



NĂM 2010 NUÔI DƯỠNG THÀNH CÔNG

Thưa Quý vị Cổ đông của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí,

Năm 2010 vừa qua là một năm đáng ghi nhớ đối với tất cả chúng ta. Bằng sự phấn đấu, nỗ lực không mệt mỏi của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, Tổng công ty chúng ta đã hoàn thành vượt mức và về đích sớm tất cả các chỉ tiêu quan trọng trong sản xuất, kinh doanh của năm cuối cùng trong kế hoạch 5 năm 2006-2010, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của việc thực hiện thành công kế hoạch giai đoạn này. Đặc biệt, Nhà máy Đạm Phú Mỹ đã hoạt động qua năm thứ 6 và tiếp tục đạt được thành tích kỷ lục trong lịch sử. Nhờ vào năng lực quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sự hoàn thành sớm của dự án thu hồi khí CO₂, Nhà máy đã cán đích kế hoạch sản xuất 740.000 tấn urê vào ngày 30/11/2010 và cả năm 2010 đã đạt sản lượng 807.129 tấn phân đạm urê. Tổng công ty đã tiêu thụ hơn 806.000 tấn phân đạm urê sản xuất và 265.000 tấn phân bón nhập khẩu và kinh doanh nội địa, doanh thu đạt 6.999 tỷ đồng, bằng 124% kế hoạch và lợi nhuận trước thuế đạt 1.922 tỷ đồng, bằng 191% kế hoạch. Năm 2010 cũng đánh dấu cột mốc sản xuất 4 triệu tấn urê của Nhà máy Đạm Phú Mỹ, hướng tới mục tiêu sản xuất tấn urê thứ 5 triệu vào năm 2011. Thành tựu của năm 2010 là kết quả của cả quá trình xây dựng nền tảng bền vững trong nhiều năm qua, cũng như những nỗ lực nuôi dưỡng thành công vượt bậc của toàn thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty.

Với mục tiêu phát triển tăng tốc, bền vững và nhân văn, Tổng công ty chúng ta bước vào năm 2011 với một vị thế mới. Chúng ta tự hào với những thành tựu đã đạt được và xem đó như những hành trang, những lợi thế cạnh tranh quan trọng cho giai đoạn phát triển mới. Nhưng chúng ta cũng ý thức rất rõ những khó khăn, thử thách của giai đoạn tới. Năm 2011 được coi là năm bản lề trước khi cục diện thị trường phân bón trong nước có sự chuyển biến rất cơ bản, đó là sự gia tăng nguồn cung phân đạm urê sản xuất trong nước khiến cho cung vượt cầu, đây cũng là thời điểm mà theo lộ trình gia nhập WTO, các doanh nghiệp nước ngoài sẽ được phép triển khai hệ thống phân phối phân bón tại Việt Nam. Vấn đề này đặt ra một thách thức vô cùng lớn đối với Tổng công ty, đó là làm thế nào để từ năm 2012 tiếp tục tiêu thụ một cách hiệu quả 800.000 tấn urê hạt trong của Nhà máy Đạm Phú Mỹ, đồng thời đảm nhận việc tiêu thụ một lượng tương ứng urê hạt đục của Nhà máy Đạm Cà Mau, cùng sản lượng phân bón NPK và các loại phân bón khác trong những năm tới. Bên cạnh đó vẫn tiếp tục đẩy mạnh việc phát triển lĩnh vực hóa chất chuyên dụng cho nông nghiệp và ngành dầu khí.

Ban lãnh đạo Tổng công ty xác định rõ những mục tiêu quan trọng của năm 2011:

- Tổ chức sản xuất thật tốt nhằm đảm bảo vận hành Nhà máy Đạm Phú Mỹ ổn định, an toàn và liên tục với sản lượng cao nhất. Đặc biệt, chuẩn bị chu đáo và thực hiện tốt đợt bảo dưỡng, sửa chữa lớn Nhà máy.
- Tiêu thụ kịp thời và hiệu quả 800.000 tấn Đạm Phú Mỹ và 250.000 tấn phân bón nhập khẩu các loại, góp phần bình ổn thị trường.
- Tích cực chuẩn bị cho công tác tiêu thụ urê hạt đục Cà Mau trong nước và xuất khẩu sang thị trường Campuchia, Thái Lan, Philippines, Myanmar...
- Tập trung nguồn lực để triển khai một cách quyết liệt các dự án đầu tư sản phẩm phân bón và hóa chất, tiếp tục nghiên cứu đầu tư và xây dựng các nhà máy chế biến các sản phẩm từ khí: Khởi công xây dựng nhà máy sản xuất phân NPK; Hoàn thành báo cáo dự án đầu tư sản xuất Amoniac, hoạt chất diệt cỏ Glyphosate, ... Những dự án này sẽ góp phần quan trọng nhằm đa dạng hóa sản phẩm, tạo bước nhảy vọt về doanh thu và từ đó tạo cơ sở vững chắc cho sản xuất, kinh doanh phát triển.
- Tiếp tục củng cố và phát triển hệ thống phân phối, chú trọng đầu tư phát triển mạnh mẽ hệ thống hậu cần, kho cảng, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Hoàn thiện chiến lược kinh doanh, tiếp thị - truyền thông với mục tiêu gia tăng thị phần phân bón trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu ra nước ngoài.
- Duy trì các hoạt động an sinh xã hội, tiếp thị, truyền thông và hoạt động cộng đồng khác nhằm nâng cao uy tín và quảng bá thương hiệu của Tổng công ty trên thị trường.
- Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào hoạt động tòa nhà văn phòng 43 Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, TP. HCM đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng.

Với những lợi thế từ công ty mẹ là một tập đoàn kinh tế mạnh của cả nước, sự nỗ lực, tâm huyết của toàn thể cán bộ công nhân viên và người lao động của Tổng công ty, sự tin tưởng và ủng hộ của cổ đông, sự hợp tác của đối tác, Ban lãnh đạo tin tưởng rằng Tổng công ty sẽ đạt được những mục tiêu quan trọng của năm 2011, tạo đà cho sự phát triển đột phá và thành công của kế hoạch 5 năm 2011-2015.

Ông Bùi Minh Tiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Cao Hoài Dương
Tổng giám đốc

Khẳng định Vị thế

Kể từ thời điểm những lô sản phẩm chính thức đầu tiên của Tổng công ty được đưa ra thị trường với thương hiệu "Đạm Phú Mỹ", hơn 6 năm qua, Tổng công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ vận hành sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, đạt các mục tiêu với kết quả cao và đóng góp quan trọng cho ngành Dầu khí cũng như nền nông nghiệp nước nhà.





Các mốc
phát triển
quan trọng

Năm 2010 đánh dấu cột mốc sản xuất 4 triệu tấn urê của Nhà máy Đạm Phú Mỹ, hướng tới mục tiêu sản xuất tấn urê thứ 5 triệu vào năm 2011

Khởi công xây dựng Nhà máy Đạm Phú Mỹ



03/2001

Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí chính thức đi vào hoạt động



01/2004

Sản phẩm Đạm Phú Mỹ chính thức có mặt trên thị trường Việt Nam



09/2004

Nhận bàn giao Nhà máy Đạm Phú Mỹ từ tổ hợp nhà thầu Technip-Samsung



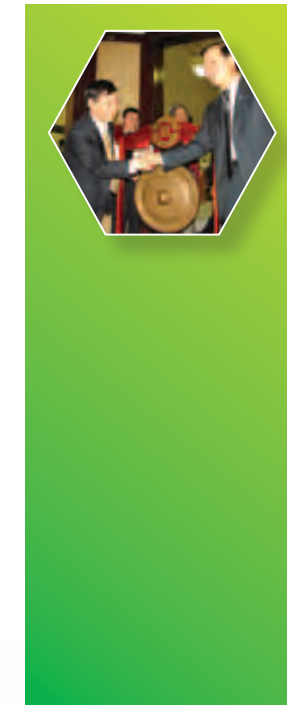
12/2004

Chuyển thành Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí



08/2007

Cổ phiếu DPM niêm yết và giao dịch trên sàn Chứng khoán TP. HCM



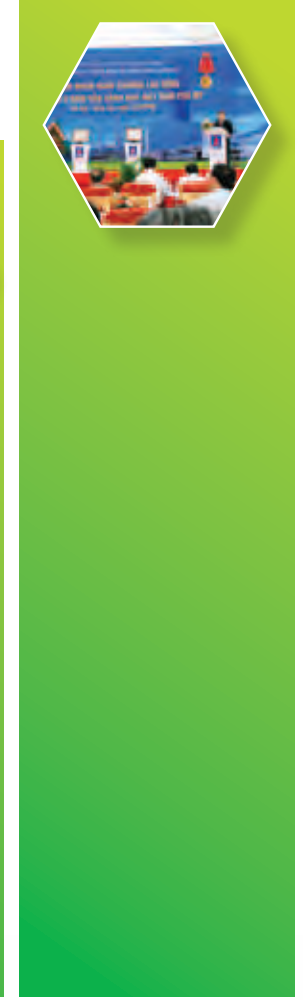
11/2007

Chuyển thành Tổng công ty (mô hình Công ty mẹ - công ty con)



05/2008

Nhà máy Đạm Phú Mỹ kỷ niệm 5 năm vận hành liên tục, an toàn, ổn định



09/2009

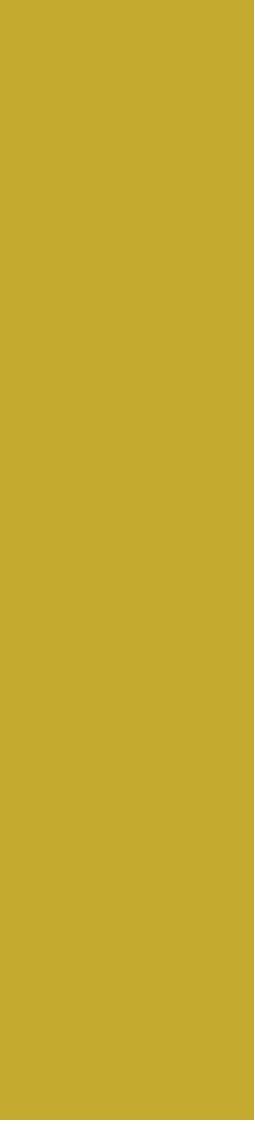
Nhà máy Đạm Phú Mỹ sản xuất tấn urê thứ 4 triệu



04/2010



Nhà máy Đạm Phú Mỹ hoàn thành dây chuyền thu hồi khí CO₂ từ khói thải, nâng công suất sản xuất urê lên 800.000 tấn/năm



09/2010



1. Những sự kiện quan trọng

- Việc thành lập:**

Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (nay là Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP) là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 02/2003/QĐ-VPCP ngày 28/03/2003 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm văn phòng Chính phủ và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 19/01/2004.

Ngày 21/09/2004, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP đã tiếp nhận Nhà máy Đạm Phú Mỹ từ Tổ hợp nhà thầu Technip – Samsung và chính thức quản lý, vận hành, đưa sản phẩm phân đạm urê thương hiệu Đạm Phú Mỹ ra thị trường.

- Quá trình đổi mới doanh nghiệp:**

Từ Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần

Ngày 15/03/2007, Bộ Công nghiệp đã ra Quyết định số 793/QĐ-BCN về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí với 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Ngày 21/04/2007, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán 40% cổ phần ra công chúng tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán TP. HCM.

Ngày 30/06/2007, Công ty đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần, thông qua Điều lệ Công ty, bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thông qua các kế hoạch kinh doanh sau khi Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

Ngày 31/08/2007, Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM đã cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103007696 và Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí chính thức đi vào hoạt động.

Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE)

Ngày 29/10/2007, Công ty đã hoàn tất các thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE) và ngày 05/11/2007, Công ty đã chính thức niêm yết 380 triệu cổ phiếu trên sàn HOSE.

Loại chứng khoán	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	DPM
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng niêm yết	380.000.000/cổ phiếu

- Từ Công ty cổ phần thành Tổng công ty:**

Ngày 05/04/2008, Đại hội đồng cổ đông thông qua đề án chuyển đổi Công ty cổ phần thành Tổng công ty (mô hình Công ty mẹ - công ty con).

Ngày 15/05/2008, Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM đã cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh sửa đổi số 4103007696 cho Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty cổ phần.

2. Quá trình phát triển

- Ngành nghề kinh doanh:**

Theo quyết định thành lập và đăng ký kinh doanh bổ sung lần thứ 8 ngày 24/01/2011, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM ghi lại theo hệ thống mã ngành kinh tế quốc dân gồm các ngành nghề chính như sau:

- Sản xuất phân bón, Amoniac lỏng;
- Kinh doanh phân bón, Amoniac lỏng, khí công nghiệp và các sản phẩm hóa chất khác (bán buôn);
- Kinh doanh phân bón, Amoniac lỏng, khí công nghiệp và các sản phẩm hóa chất khác (bán lẻ);
- Các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất có liên quan;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán hàng nông – lâm sản;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô và đường thủy nội địa;
- Chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản;
- Đào tạo nghề;
- Sản xuất các sản phẩm hóa chất khác;
- Sản xuất khí công nghiệp.



Tóm tắt về kết quả hoạt động:

Kể từ thời điểm những lô sản phẩm urê đầu tiên của Tổng công ty được đưa ra thị trường với thương hiệu “Đạm Phú Mỹ”, hơn 6 năm qua, Tổng công ty đã thực hiện tốt chức năng quản lý sản xuất và kinh doanh, đạt các mục tiêu với kết quả cao và đóng góp quan trọng cho ngành Dầu khí cũng như nền nông nghiệp nước nhà. Năm 2007, lần đầu tiên Nhà máy Đạm Phú Mỹ đã vận hành sản xuất vượt công suất danh định, đạt mức sản lượng hơn 760.000 tấn urê. Các năm 2008 và 2009, Nhà máy tiếp tục đạt mức sản lượng 756.000 tấn. Đặc biệt năm 2010, Nhà máy đạt sản lượng kỷ lục 807.129 tấn.

Năm 2010, Tổng công ty tiếp tục tham gia hoạt động kinh doanh phân bón nhập khẩu và sản lượng nhập khẩu đạt 144.313 tấn phân bón các loại, đã đưa ra thị trường 264.939 tấn phân bón nhập khẩu và kinh doanh khác. Hiện nay, Tổng công ty đang cung cấp khoảng 50% nhu cầu phân đạm cho thị trường trong nước

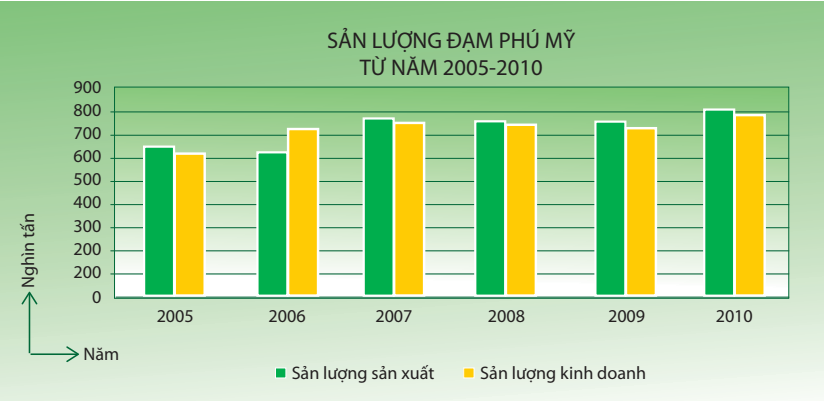
Tổng công ty có chiến lược nghiên cứu, triển khai các dự án đầu tư mở rộng sản xuất, tăng sản lượng, đa dạng hóa sản phẩm. Dự án xây dựng hệ thống thu hồi CO₂ từ khói thải Nhà máy Đạm Phú Mỹ để sản xuất phân đạm, được khởi công đầu năm 2009, đã được khánh thành và đưa vào

hoạt động thương mại ngày 14/09/2010, hoàn thành sớm 5 tháng so với tiến độ đề ra, giúp tăng sản lượng urê tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ thêm 60.000 tấn/năm. Dự án Nhà máy sản xuất phân bón NPK công suất 400.000 tấn/năm tại Phú Mỹ đã được phê duyệt và đang triển khai các bước tiếp theo. Tổng công ty đang nghiên cứu đầu tư các dự án sản xuất hoạt chất trừ cỏ Glyphosate công suất 20.000 tấn/năm, các dự án đa dạng hóa sản phẩm phân bón, hóa chất... tại khu vực Phú Mỹ và các địa phương khác. Cùng với việc xây dựng và phát triển hệ thống phân phối, khâu phát triển hạ tầng cho hệ thống phân phối đã được Tổng công ty triển khai và từng bước hoàn thành như việc đầu tư mua các kho, cảng có vị trí chiến lược tại các vùng miền theo quy hoạch...

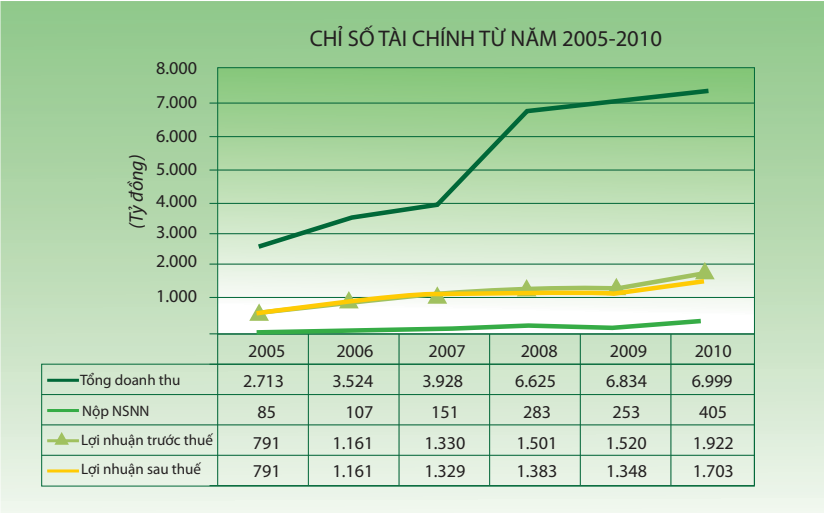


CÁC CHỈ SỐ CHỦ YẾU TỪ NĂM 2005-2010

Sản lượng:



Chỉ số về tài chính:



Ưu thế vượt trội

- 1 Nhân lực
- 2 Công nghệ
- 3 Quản trị
- 4 Tiềm lực tài chính
- 5 Vị thế chi phối
- 6 Hệ thống phân phối
- 7 Thương hiệu
- 8 Sự ủng hộ

Tổng công ty nhận định ưu thế cạnh tranh của mình dựa trên các yếu tố căn bản sau: Nguồn nhân lực mạnh; Công nghệ hiện đại; Trình độ quản trị tiên tiến; Tiềm lực tài chính dồi dào; Vị thế chi phối; Hệ thống phân phối rộng và đều khắp; Thương hiệu uy tín; Sự ủng hộ mạnh mẽ của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và các bộ ngành Trung ương, địa phương

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, nhờ vào nỗ lực không ngừng, sức sáng tạo và khát vọng mạnh mẽ của đội ngũ cán bộ lãnh đạo và người lao động đã tạo nên các ưu thế cạnh tranh, định hình nên các giá trị cốt lõi của Tổng công ty và là nền tảng quan trọng để Tổng công ty tăng tốc phát triển trong giai đoạn tới.

- **Nhân lực:** Tổng công ty có đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư, công nhân kỹ thuật, chuyên viên đầu tư, tài chính, tiếp thị - truyền thông v.v... trình độ chuyên môn cao, được đào tạo bài bản, làm việc chuyên nghiệp và liên tục được cập nhật, đào tạo, nâng cao kiến thức và trình độ.
- **Công nghệ:** Nhà máy Đạm Phú Mỹ sử dụng công nghệ tiên tiến hàng đầu thế giới của hãng Haldor Topsoe (Đan Mạch) để sản xuất khí Amoniac và công nghệ sản xuất phân urê của hãng Snamprogetti (Italy), đã khẳng định vị trí vững chắc trên thị trường về khả năng sản xuất, chất lượng sản phẩm cao và ổn định. Các nhà máy phân bón, hóa chất khác của Tổng công ty được định hướng sử dụng công nghệ tiên tiến và thân thiện với môi trường.

- **Quản trị:** Tổng công ty áp dụng phương pháp và mô hình quản trị ưu việt nhất, trước tiên là mô hình quản trị tiên tiến dựa trên hệ thống quản lý chất lượng (ISO), và hiện đang chuyển sang mô hình quản trị cao hơn – mô hình quản trị hiện đại dựa trên ERP (cơ chế hoạch định tài nguyên doanh nghiệp).
- **Tiềm lực tài chính:** Với giá trị đầu tư 380 triệu USD để xây dựng Nhà máy Đạm Phú Mỹ, trong các năm qua, doanh thu và lợi nhuận của Tổng công ty liên tục ở mức cao, các hạng mục chính của Nhà máy đã khấu hao xong giúp hoàn vốn sau 6 năm hoạt động và tạo nguồn tích lũy để Tổng công ty đầu tư phát triển sản xuất.
- **Vị thế chi phối:** Nhu cầu phân urê ở Việt Nam vào khoảng 1,6 – 1,8 triệu tấn/năm. Hiện nay Tổng công ty đáp ứng khoảng 50% nhu cầu nội địa, giữ vị thế dẫn đầu thị trường phân đạm. Sắp tới, cùng với định hướng thực hiện việc tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy Đạm Cà Mau (thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam) sẽ góp phần đáng kể giúp Tổng công ty gia tăng thị phần không chỉ thị trường phân đạm trong nước mà cả thị trường các nước lân cận.

Hệ thống phân phối rộng khắp tại các vùng miền trong cả nước, bao phủ mọi địa bàn của ngành nông nghiệp nước nhà

1

Thương hiệu Đạm Phú Mỹ đã trở nên quen thuộc và là lựa chọn hàng đầu của bà con nông dân trong 6 năm qua

- **Hệ thống phân phối:** Tổng công ty có hệ thống phân phối rộng khắp tại các vùng miền trong cả nước, bao phủ mọi địa bàn của ngành nông nghiệp nước nhà. Đây là một yếu tố rất quan trọng trong việc nâng cao tính cạnh tranh của Tổng công ty trên thị trường phân bón đang trở nên cạnh tranh gay gắt trong những năm tới.
- **Thương hiệu:** Thương hiệu Đạm Phú Mỹ có vị thế nổi bật trên thị trường phân bón Việt Nam và cộng đồng các nhà đầu tư. Đó là kết quả của nhiều yếu tố tổng hợp: chất lượng sản phẩm, hệ thống phân phối, chính sách bán hàng, hoạt động tiếp thị - truyền thông v.v... Đối với bà con nông dân, thương hiệu sản phẩm Đạm Phú Mỹ đã trở nên quen thuộc và là lựa chọn hàng đầu trong 6 năm qua.

- **Sự ủng hộ của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và các bộ ngành trung ương, địa phương:** Với vai trò và sứ mệnh quan trọng trong ngành nông nghiệp, với khách hàng là bà con nông dân - chiếm tới 70% dân số Việt Nam, Tổng công ty luôn nhận được sự ủng hộ tích cực của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và các bộ ngành trung ương và địa phương trong việc ưu tiên đảm bảo cung cấp ổn định khí thiên nhiên - nguồn tài nguyên quý giá của đất nước làm nguyên liệu cho sản xuất phân đạm cũng như ban hành nhiều cơ chế chính sách thuận lợi cho phát triển sản xuất và kinh doanh...



MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Phát triển Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí thành doanh nghiệp mạnh, sản xuất kinh doanh đa ngành, đứng đầu trong cả nước và hàng đầu trong khu vực Đông Nam Á về phân bón, hóa chất từ nguyên liệu dầu khí.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

• Nguyên tắc phát triển:

- Phát triển tăng tốc, bền vững, hiệu quả và an toàn.
- Sản xuất và kinh doanh phân bón là chủ đạo, hóa chất là quan trọng.
- Sản phẩm có giải pháp sử dụng và gắn bó với người tiêu dùng.
- Tối ưu năng lực sản xuất hiện có, phát triển nhanh năng lực sản xuất kinh doanh, dịch vụ phân bón và kinh doanh, dịch vụ hóa chất.
- Phát huy nội lực và hợp tác, liên kết đầu tư nhằm chia sẻ rủi ro và khai thác các lợi thế, cơ hội.

CÁC MỤC TIÊU CHÍNH ĐẾN NĂM 2015

• Lĩnh vực sản xuất – kinh doanh:

- Sản xuất và tiêu thụ 800.000 tấn sản phẩm urê của Nhà máy Đạm Phú Mỹ và tiêu thụ 800.000 tấn urê của Nhà máy Đạm Cà Mau theo hợp đồng với Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.
- Sản xuất và tiêu thụ sản lượng phân bón NPK do Nhà máy NPK của Tổng công ty đầu tư.
- Nhập khẩu, kinh doanh bình quân 200.000 tấn/năm các loại phân bón khác và 20.000 tấn/năm hóa chất các loại khác.
- Tiếp cận, đảm bảo thị phần về sản xuất, kinh doanh phân bón, hóa chất: 50 - 60% nhu cầu urê, 15 - 20%

thị phần NPK tại Việt Nam, 20-30% thị phần hóa chất chuyên dụng dầu khí và 7-10% thị phần hóa chất nông nghiệp.

- Xuất khẩu phân bón khi đã ưu tiên đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ trong nước.
- Xây dựng kênh phân phối hiệu quả, bao phủ toàn quốc và kênh phân phối phục vụ xuất khẩu phân bón.
- Trở thành nhà sản xuất, phân phối hoá chất có uy tín của Việt Nam, trong lĩnh vực hóa chất cơ bản, hóa chất chuyên dụng cho ngành dầu khí và hóa chất nông nghiệp.
- Đến năm 2015, hoàn thành hệ thống phân phối trên 100 đại lý, 120 cửa hàng (cấp 1) trong nước và 30 đại lý, cửa hàng tại khu vực Đông Nam Á.

• Lĩnh vực đầu tư xây dựng:

- Hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động các dự án nhà máy sản xuất phân bón NPK, Amoniac, hoạt chất glyphosate, nhà máy sản xuất và pha trộn hóa chất phục vụ ngành dầu khí.
- Nâng công suất nhà máy sản xuất bao bì đáp ứng nhu cầu bao bì cho các nhà máy phân bón, hóa chất của Tổng công ty.
- Hoàn thành hệ thống kho cảng phục vụ hệ thống phân phối theo quy hoạch giai đoạn 1 với sức chứa 350.000 tấn phân bón quy đổi.
- Hoàn thành và đưa vào sử dụng tòa nhà văn phòng tại TP.HCM.

CHIẾN LƯỢC QUẢN LÝ TRUNG VÀ DÀI HẠN ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC CÁC MỤC TIÊU

Áp dụng chuẩn mực quản trị công ty cổ phần vào Tổng công ty theo mô hình công ty mẹ - con, hiện đại hóa và đưa công nghệ ứng dụng vào quản lý, triệt để áp dụng và khai thác hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng, quản lý an toàn sức khỏe môi trường đã xây dựng theo các tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14001 và OHSAS 18001. Hoàn thành và vận hành hiệu quả hệ thống quản trị hiện đại dựa trên ERP (cơ chế hoạch định tài nguyên doanh nghiệp).



Về hoạt động sản xuất, kinh doanh Ngày 30/01/2010

Khởi công xây dựng tòa nhà văn phòng tại 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa káo, Quận 1, TP.HCM gồm 3 tầng hầm và 14 tầng nổi, tổng diện tích sử dụng là 16.355 m². Dự kiến tòa nhà sẽ được khánh thành và đưa vào sử dụng vào đầu Quý 3/2011.

Tháng 09/2010

Hệ thống sản xuất CO₂ từ khói thải Nhà máy Đạm Phú Mỹ đã được khánh thành vào đầu tháng 09/2010, vượt tiến độ 5 tháng, nâng công suất của Nhà máy Đạm Phú Mỹ từ 740.000 tấn lên 800.000 tấn, góp phần giảm lượng khí thải CO₂.

Hoàn thành vượt mức kế hoạch

Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch từ sản xuất, kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách Nhà nước đến phát triển bền vững hệ thống phân phối: sản lượng urê Phú Mỹ sản xuất: 807.129 tấn – đạt 108% KH năm, doanh thu: 6.999 tỷ đồng – đạt 124% KH năm, lợi nhuận trước thuế: 1.922 tỷ đồng – đạt 191% KH năm, nộp ngân sách Nhà nước là 405 tỷ đồng, trong đó: 288 tỷ đồng thuế năm 2010 (đạt 121% KH năm) và 117 tỷ đồng thuế TNDN được giãn nộp năm 2009 chuyển sang...

Gói giải pháp hỗ trợ nông nghiệp

Tiếp tục kết hợp với các chuyên gia, trường Đại học triển khai hỗ trợ bà con nông dân cách canh tác, sử dụng phân bón, kĩ thuật nông nghiệp, cung cấp thông tin nông nghiệp cho nông dân như thông tin thời tiết, sâu bệnh, giá cả nông sản...



Ngày 07/05/2010

Khai trương Văn phòng Đại diện tại thủ đô Phnom Penh (Campuchia) nhằm mở rộng các hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh tại thị trường này.

Tháng 11/2010

Bắt đầu từ giữa tháng 11/2010 đến tháng 12/2010: hai đơn vị thành viên của Tổng công ty là Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung và Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc triển khai chương trình bán hàng đến tận tay người nông dân vùng lũ với mức giá bán buôn ở 40 huyện thuộc 10 tỉnh miền Trung và Bắc Trung Bộ. Thông qua chương trình, 23.000 tấn phân Đạm Phú Mỹ được cung cấp đến tận tay hơn 200.000 hộ dân.

Chương trình tái cấu trúc

Tổng công ty triển khai đồng bộ và toàn diện chương trình tái cấu trúc nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tính minh bạch, thúc đẩy Tổng công ty tăng tốc trở thành doanh nghiệp mạnh đứng đầu trong nước và hàng đầu trong khu vực.

Hoạt động cộng đồng và an sinh xã hội

Xây dựng nhà đại đoàn kết cho các gia đình nghèo, cần hỗ trợ về chỗ ở, các công trình cộng đồng về y tế, giáo dục, các hoạt động cứu trợ thiên tai, tặng quà Tết cho người nghèo, thực hiện trao học bổng DPM thường niên...

2010

SẢN PHẨM ĐẠM PHÚ MỸ NHẬN DANH HIỆU “HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO” NĂM THỨ 7 LIÊN TIẾP, ĐỒNG THỜI MÃ CHỨNG KHOÁN **DPM** TIẾP TỤC ĐẠT DANH HIỆU “THƯƠNG HIỆU CHỨNG KHOÁN UY TÍN 2010”.



Các danh hiệu nổi bật của Tổng công ty trong năm 2010:

Sản phẩm Đạm Phú Mỹ tiếp tục nhận danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao” năm thứ 7 liên tiếp và đạt Cúp Thương hiệu uy tín – sản phẩm chất lượng vàng do người tiêu dùng bình chọn.

Ngày 19/08/2010, tại lễ trao giải thưởng quốc tế uy tín - ARC Awards, Tổng công ty đã được trao Giải Vàng cho Báo cáo thường niên 2009 không phải ngôn ngữ tiếng Anh cho các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Nông nghiệp.

Ngày 12/09/2010, mã chứng khoán DPM của Tổng công ty tiếp tục đạt danh hiệu “Thương hiệu Chứng khoán uy tín – 2010.”

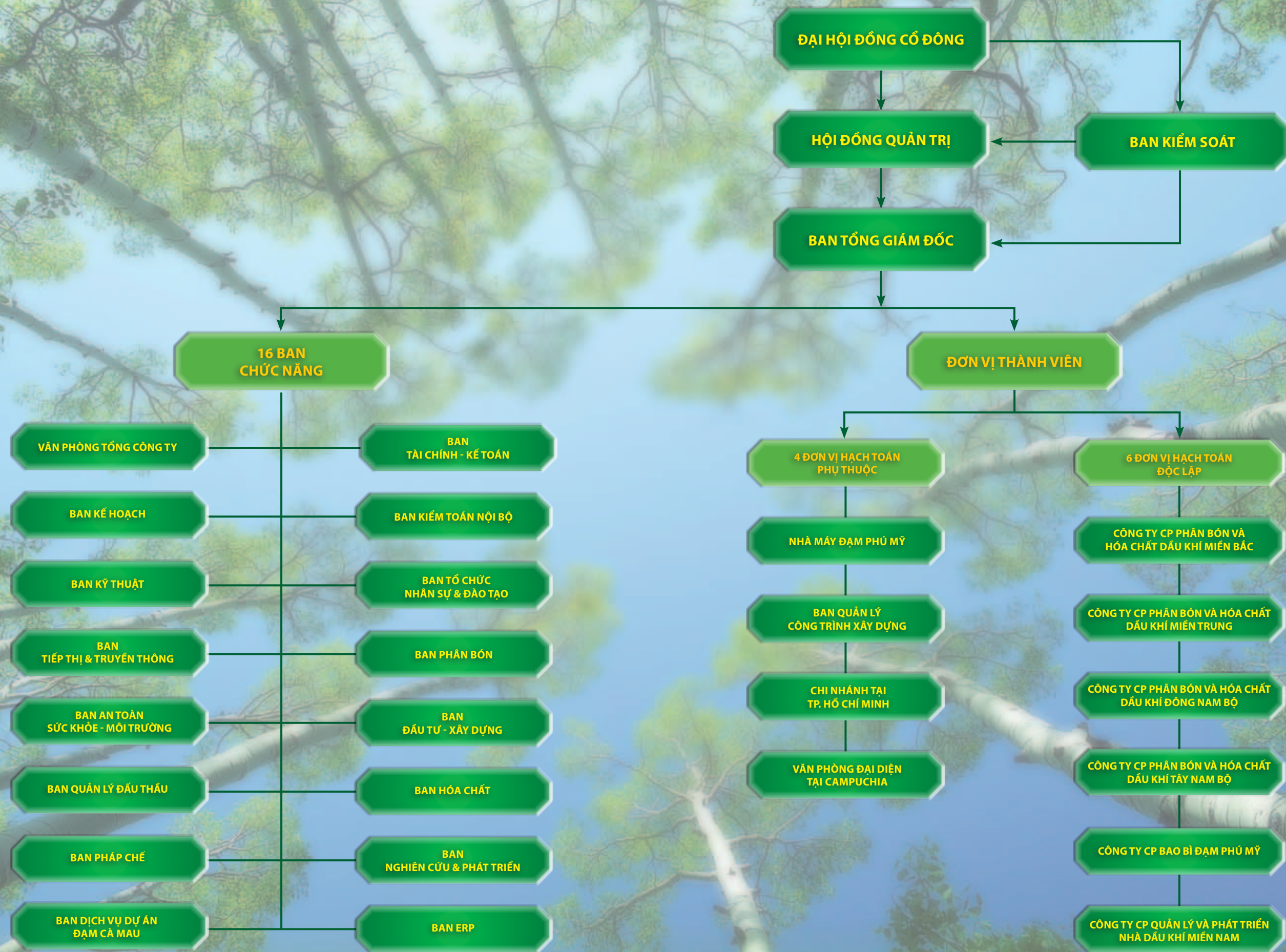
Ngày 13/11/2010, Nhà máy Đạm Phú Mỹ là một trong 65 công trình xây dựng đạt Cúp vàng tại Lễ trao giải thưởng “Cúp vàng chất lượng xây dựng Việt Nam.”



Phát huy Nguồn lực

Trong suốt 6 năm qua, nỗ lực không ngừng, sức sáng tạo và khát vọng mạnh mẽ của đội ngũ cán bộ lãnh đạo và người lao động đã tạo nên các ưu thế cạnh tranh, định hình nên các giá trị cốt lõi của Tổng công ty và là nền tảng quan trọng để Tổng công ty tăng tốc phát triển trong giai đoạn mới.







Ông Bùi Minh Tiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Hiền
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

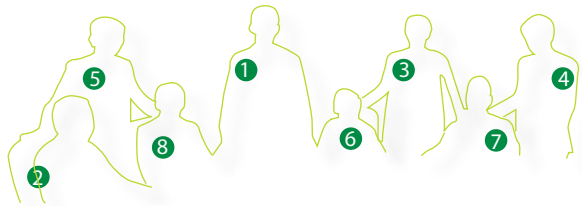
Ông Cao Hoài Dương
Ủy viên Hội đồng quản trị

Ông Bùi Quang Hưng
Ủy viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Đức Hòa
Ủy viên Hội đồng quản trị



- 1. Ông Cao Hoài Dương**
Tổng giám đốc
- 2. Ông Lê Văn Quốc Việt**
Phó Tổng giám đốc
phụ trách Nội chính
- 3. Ông Từ Cường**
Phó Tổng giám đốc phụ trách
Công nghệ - Kỹ thuật và sản xuất
Giám đốc Nhà máy Đạm Phú Mỹ
- 4. Ông Nguyễn Hồng Vinh**
Phó Tổng giám đốc
phụ trách bán hàng và xây dựng
hệ thống phân phối
- 5. Ông Nguyễn Văn Tòng**
Phó Tổng giám đốc
phụ trách Tài chính Kế toán
và Kiểm toán
- 6. Bà Chu Thị Hiền**
Phó Tổng giám đốc
Phụ trách công tác mua sắm vật tư,
thiết bị - kinh doanh hóa chất
- 7. Ông Hoàng Việt Dũng**
Phó Tổng giám đốc
phụ trách công tác
Đầu tư xây dựng
- 8. Ông Huỳnh Kim Nhân**
Kế toán trưởng





Ông Nguyễn Văn Hòa
Thành viên Ban kiểm soát

Bà Trần Thị Phương Thảo
Trưởng Ban kiểm soát

Ông Lê Vinh Văn
Thành viên Ban kiểm soát

THAY ĐỔI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2010

Hội đồng quản trị đã quyết định chấp thuận Ông Phan Đình Đức thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc để thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định số 2031/QĐ-TTg ngày 09/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ và đã bổ nhiệm Ông Cao Hoài Dương làm Tổng giám đốc Tổng công ty từ ngày 15/11/2010 thay ông Phan Đình Đức.

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG TRONG NĂM 2010

Trong năm 2010, không có thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng.

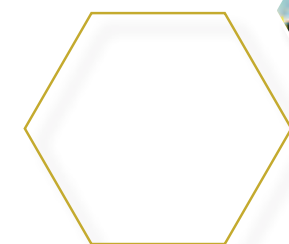
THAY ĐỔI BAN LÃNH ĐẠO TRONG QUÝ 1/2011

Ngày 29/12/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định số 2402/QĐ-TTg về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Xuân Thắng, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP giữ chức thành viên Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và văn bản giới thiệu của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã bổ nhiệm ông Bùi Minh Tiến, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị thay ông Nguyễn Xuân Thắng từ ngày 04/01/2011.

Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm ông Cao Hoài Dương, Tổng giám đốc Tổng công ty kiêm nhiệm thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 08/02/2011 thay ông Phạm Đăng Nam, đồng thời bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hiền, thành viên Hội đồng quản trị giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ ngày 08/02/2011.

Theo Quyết định số 92/QĐ-PBHC ngày 15/03/2011, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm ông Hoàng Việt Dũng giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty.

Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn quyết định bổ nhiệm tại phiên họp thường niên năm 2011.





1. **ÔNG BÙI MINH TIẾN**

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
từ ngày 04/01/2011
Năm sinh: 1969
Trình độ chuyên môn: Cử nhân vật lý,
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



2. **BÀ NGUYỄN THỊ HIỀN**

Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT
Năm sinh: 1974
Trình độ chuyên môn: Cử nhân
Kinh tế ngoại thương



3. **ÔNG CAO HOÀI DƯƠNG**

Chức vụ: Tổng giám đốc từ ngày
15/11/2010, kiêm Ủy viên HĐQT
từ ngày 8/2/2011
Năm sinh: 1972
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ
chuyên ngành Công nghệ hóa dầu



4. **ÔNG BÙI QUANG HƯNG**

Chức vụ: Ủy viên HĐQT
Năm sinh: 1953
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng



5. **ÔNG NGUYỄN ĐỨC HÒA**

Chức vụ: Ủy viên HĐQT
Năm sinh: 1956
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng



1. **BÀ TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO**

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Năm sinh: 1970
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
chuyên ngành Ngoại thương



2. **ÔNG NGUYỄN VĂN HÒA**

Chức vụ: Thành viên
Năm sinh: 1969
Trình độ chuyên môn: Cử nhân
kinh tế chuyên ngành Ngân hàng



3. **ÔNG LÊ VINH VĂN**

Chức vụ: Thành viên
Năm sinh: 1969
Trình độ chuyên môn: Cử nhân
chuyên ngành Tài chính kế toán



(*) Ông Nguyễn Xuân Thắng: Nguyên Chủ tịch HĐQT, thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 04/01/2011 để thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định số 2402/QĐ-TTg ngày 29/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ.



(*) Ông Phạm Đăng Nam: Nguyên ủy viên HĐQT, thôi giữ chức ủy viên HĐQT kể từ ngày 08/02/2011 để thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.



(*) Ông Phan Đình Đức: Nguyên Tổng giám đốc, thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ ngày 15/11/2010 để thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định số 2031/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ.



(*) Ông Nguyễn Đức Thành: thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc kể từ tháng 03/2011 để thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát



4. **ÔNG NGUYỄN HỒNG VINH**

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
phụ trách bán hàng và xây dựng
hệ thống phân phối
Năm sinh: 1960
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
Nông nghiệp



5. **ÔNG NGUYỄN VĂN TÒNG**

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc phụ trách
Tài chính Kế toán và Kiểm toán
Năm sinh: 1958
Trình độ chuyên môn: Cử nhân
Tài chính Kế toán ngành
Ngân hàng Kiến Thiết



6. **BÀ CHU THỊ HIỀN**

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc phụ trách
công tác mua sắm vật tư, thiết bị -
kinh doanh Hóa chất
Năm sinh: 1958
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế
Vận chuyển bảo quản dầu khí



7. **ÔNG HOÀNG VIỆT DŨNG**

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
phụ trách công tác Đầu tư
xây dựng
Năm sinh: 1972
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
Công nghệ Hóa



8. **ÔNG HUỲNH KIM NHÂN**

Chức vụ: Kế toán trưởng
Năm sinh: 1976
Trình độ chuyên môn: Cử nhân
Kinh tế ngành Tài chính kế toán

Ban Tổng giám đốc



CHÍNH SÁCH NHÂN VIÊN

Từ năm 2008, Tổng công ty đã xây dựng, ban hành và đưa vào áp dụng thang, bảng lương mới phù hợp với mô hình Công ty cổ phần, theo quy định của Bộ luật Lao động – Thương binh xã hội và Nghị định số 141/2007/NĐ-CP ngày 10/09/2007 của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương đối với Công ty mẹ do Nhà nước là chủ sở hữu và các Công ty con thuộc các Tập đoàn kinh tế Nhà nước, hướng tới việc trả lương theo thị trường nhằm hạn chế hiện tượng chảy máu chất xám và thu hút lao động giỏi. Tổng công ty thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm tai nạn cho toàn thể người lao động ở mức khá cao.

Tổng công ty cũng đã hoàn thiện Chính sách nhân viên và bắt đầu áp dụng từ 01/01/2009, bao gồm các chính sách phúc lợi áp dụng cho toàn thể cán bộ, công nhân viên và một số chính sách có tính đãi ngộ đối với những người lao động giỏi, có trình độ quản lý và chuyên môn cao, bao gồm: chế độ lương, thưởng, đào tạo, học tập, nghỉ ngơi, lưu trú và các chế độ phúc lợi khác.

QUYỀN LỢI CỦA BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM

Tổng công ty áp dụng chế độ lương cho Ban Điều hành theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Tổng công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên và Thỏa ước lao động tập thể của Tổng công ty. Tiền thưởng Ban Điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế áp dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông về Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CƠ CẤU NHÂN SỰ

Cơ cấu nhân sự

Tổng số cán bộ, công nhân viên toàn Tổng công ty tính đến thời điểm 31/12/2010 (gồm Công ty mẹ và Công ty con): 1.744 người

PHÂN LOẠI THEO TRÌNH ĐỘ

Phân theo trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
Đại học, Cao đẳng trở lên	883	50,6%
Trung học chuyên nghiệp	170	9,8%
Công nhân kỹ thuật và trình độ khác	691	39,6%
Tổng cộng	1.744	100%



PHÂN LOẠI THEO PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG

Phân theo phân công lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
Cán bộ lãnh đạo, quản lý	222	13%
Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ	488	28%
Nhân viên	257	15%
Công nhân các ngành nghề	777	45%
TỔNG CỘNG	1.744	100%



1. NHẬN ĐỊNH VỀ TÌNH HÌNH CHUNG NĂM 2010

Năm 2010, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí bước vào thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh với một số đặc điểm đáng lưu ý. Bối cảnh chung, nền kinh tế đất nước và thế giới từng bước phục hồi sau khủng hoảng, tuy nhiên những nguy cơ tiềm ẩn vẫn còn hiện diện. Đồng tiền Việt Nam suy yếu kếp so với các đồng tiền khác. Ngoài ra, những diễn biến phức tạp và khó lường của sự biến đổi khí hậu là nguy cơ tác động trực tiếp đến ngành nông nghiệp, lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm phân bón của Tổng công ty. Về tình hình sản xuất, nguồn nguyên liệu khí được Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam ưu tiên cung cấp góp phần quyết định đảm bảo cho sản xuất phân đạm ổn định, tuy nhiên lộ trình tăng giá khí cũng đã bắt đầu được thực hiện.

Sản phẩm chính urê mang thương hiệu Đạm Phú Mỹ do Tổng công ty sản xuất và các loại phân bón khác do Tổng công ty nhập khẩu được tiêu thụ hoàn toàn trong nội địa nhưng vẫn có mối liên hệ và chịu sự tác động của nhiều yếu tố: Tình hình giá cả trên thị trường thế giới, đặc biệt là giá dầu thô, nhu cầu mùa vụ trong nước và chính sách vĩ mô của Nhà nước. Giá phân bón thế giới tiếp tục duy trì ở mức cao, góp phần gia tăng doanh thu và lợi nhuận của Tổng công ty trong năm 2010. Tuy nhiên tỷ giá giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam tăng nhiều so với dự báo cùng với tình trạng chênh lệch tỷ giá những tháng cuối năm đã làm tăng chi phí nguyên liệu đầu vào, gây khó khăn cho công tác nhập khẩu và do đó làm giảm hiệu quả kinh doanh nói chung.

2. NHỮNG NÉT NỔI BẬT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Trong bối cảnh kinh tế như vậy, với nỗ lực theo hướng hiệu quả, an toàn, Tổng công ty đã khép lại năm 2010 với các chỉ tiêu kinh tế đạt được như sau:

- Sản lượng sản xuất urê Đạm Phú Mỹ: 807.129 tấn.
- Sản lượng tiêu thụ urê Đạm Phú Mỹ: 806.152 tấn
- Sản lượng phân bón nhập khẩu: 144.313 tấn.
- Tổng doanh thu: 6.999 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 1.922 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 1.703 tỷ đồng.



3. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM

- Nhà máy Đạm Phú Mỹ hoàn thành dây chuyền thu hồi khí CO₂ từ khói thải, nâng công suất sản xuất urê lên 800.000 tấn/năm, góp phần giảm khí thải ra môi trường.
- Tổng công ty đã củng cố và hoàn thiện hệ thống phân phối, thông qua sàng lọc và chuẩn hóa hệ thống các cửa hàng, đại lý, hoàn thiện các quy chế, quy trình, chính sách liên quan đến khâu phân phối, tăng cường khả năng kiểm soát hệ thống và vận hành hệ thống đạt hiệu quả cao.
- Tổng công ty đã đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển, hoàn thành các dự án đúng và vượt tiến độ (như dự án thu hồi khí CO₂), xúc tiến nhanh chóng mảng phát triển về hóa chất bằng các dự án mới như Glyphosate, Amoniac và Amon Nitrat...

- Về tổ chức doanh nghiệp, Tổng công ty đã triển khai thành công bước đầu công tác tái cấu trúc các doanh nghiệp thành viên, chuyển đổi thành công ty cổ phần. Các doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty đã có sự tham gia vốn góp cổ phần từ nhiều đối tác như đại lý, khách hàng, nhà cung cấp trong lĩnh vực phân bón, hóa chất và thông qua đó sẽ tạo sự gắn kết với thị trường và khách hàng cũng như chia sẻ rủi ro, tăng cường năng lực quản trị doanh nghiệp, tính công khai minh bạch.

4. ĐÁNH GIÁ VỀ TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

Trong tương lai, Tổng công ty tiếp tục triển khai thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ chiến lược đã đề ra trong chiến lược phát triển Tổng công ty đến năm 2015 và định hướng phát triển đến năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông phiên họp thường niên năm 2008 phê chuẩn.

Đối với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh phân bón, hiện tại Tổng công ty đã có được vị thế của doanh nghiệp mạnh, với vị trí quan trọng tại thị trường trong nước về mặt hàng phân đạm.

Trong những năm tới nhu cầu sử dụng urê trong nước sẽ không có nhiều biến động và tiếp tục có tăng trưởng ổn định. Tuy nhiên, từ sau năm 2011 thị trường sẽ có sự thay đổi đáng kể theo hướng cung vượt cầu sau khi các dự án sản xuất urê mới như Nhà máy Đạm Cà Mau, Nhà máy Đạm Ninh Bình và các dự án tăng công suất đi vào



hoạt động. Do đó, việc kinh doanh mặt hàng phân đạm trong nội địa sau năm 2011 sẽ khó khăn hơn. Với những ưu thế vượt trội của Tổng công ty là đã có chỗ đứng vững chắc trên thị trường, sản phẩm đã có thương hiệu và uy tín trong nhiều năm, giá thành sản phẩm có sức cạnh tranh, thị phần phân đạm nội địa của Tổng công ty sẽ tiếp tục được giữ vững. Bên cạnh đó, ngay từ năm 2009, Tổng công ty đã triển khai kế hoạch thâm nhập vào thị trường xuất khẩu, chủ động đưa thương hiệu sản phẩm Đạm Phú Mỹ cũng như các sản phẩm khác sau này ra thị trường quốc tế nhằm đảm bảo việc tiêu thụ sản phẩm trong tương lai. Về các loại phân bón khác như NPK, nhu cầu thị trường trong nước tiếp tục tăng trong những năm tới. Mặc dù công suất thiết kế của các nhà máy hiện có trong nước đã đáp ứng đủ, tuy nhiên phần lớn có quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, khả năng đáp ứng yêu cầu về chất lượng còn hạn chế. Vì vậy, Tổng công ty xác định vẫn có triển vọng tốt cho việc đa dạng hóa sản phẩm phân bón, tham gia sản xuất, kinh doanh mặt hàng NPK...

Đối với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh hóa chất: Do nhu cầu hóa chất sử dụng trong công nghiệp, nông nghiệp là rất lớn, trong khi nguồn cung chưa đáp ứng đủ, phần nhiều phải nhập khẩu, triển vọng phát triển lĩnh vực này

rất tốt. Tổng công ty đã xác định hướng đa dạng hóa kinh doanh sản phẩm hóa chất với các kế hoạch kinh doanh xuất nhập khẩu hóa chất ngay từ năm 2009 và nghiên cứu các khả năng đầu tư kho chứa hóa chất, các dự án sản xuất hóa chất. Năm 2011, Tổng công ty tiếp tục đẩy mạnh việc hợp tác với các đối tác xúc tiến việc nghiên cứu đầu tư cụm dự án sản xuất hóa chất từ khí thiên nhiên tại khu vực Phú Mỹ để sản xuất Amoniac và hợp tác đầu tư dự án sản xuất hoạt chất diệt cỏ Glyphosate.

Tổng công ty cũng triển khai các hoạt động khác nhằm tăng năng lực kinh doanh, tạo kết nối với các lĩnh vực kinh doanh chính như: khai thác hiệu quả các hệ thống kho cảng đầu mối tại các vùng miền, dự án Tòa nhà văn phòng 43 Mạc Đĩnh Chi – Thành phố Hồ Chí Minh, Tổ hợp Trung tâm thương mại Cửu Long – Cà Mau cũng như tham gia góp vốn các dự án sản xuất Xơ sợi và Hóa dầu tại Hải Phòng, hợp tác sản xuất, phân phối hóa chất chuyên dụng cho ngành dầu khí...

3.800 tỷ

Vốn điều lệ năm 2010

377.647.740

Số cổ phần đang lưu hành



TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh phân bón - một lĩnh vực chịu ảnh hưởng và tác động trực tiếp, đa chiều và sâu sắc nhất do những biến động không chỉ từ môi trường thương mại quốc tế (giá dầu, giá nông sản, tỷ giá ngoại tệ...), mà còn chịu tác động của biến đổi khí hậu (như thiên tai, hạn hán, lũ lụt...), cũng như sự thay đổi chính sách vĩ mô của các quốc gia (chính sách an ninh lương thực, quản lý tài nguyên, chính sách thương mại...), vì vậy đối với Tổng công ty năm 2010 vừa qua là một năm đầy thử thách và đòi hỏi nỗ lực cao.

Tổng công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - công ty con gồm: 10 đơn vị, trong đó có Chi nhánh Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, 6 Công ty cổ phần, Văn phòng đại diện tại Campuchia và Ban Quản lý Công trình - xây dựng. Hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục gặt hái những thành tích xuất sắc, hoàn thành vượt mức kế hoạch năm. Hoạt động kinh doanh phân bón không chỉ ở trong nước mà đã bước đầu thâm nhập vào các nước trong khu vực.

Tổng công ty tiếp tục khẳng định vai trò chủ đạo là đơn vị cung cấp phân đạm lớn nhất cho thị trường trong nước, tham gia tích cực và có hiệu quả chương trình ngăn chặn suy giảm kinh tế và góp phần bình ổn thị trường phân đạm của Chính phủ và Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.



TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Phân tích các chỉ số quan trọng

1. Khả năng sinh lời

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận ròng/ Vốn CSH bình quân (ROE)	28%	25%
Lợi nhuận ròng/Tổng tài sản bình quân (ROA)	23%	23%

Mặc dù tổng tài sản của Tổng công ty trong năm 2010 tăng trưởng trên 15% so với năm 2009 nhưng chỉ số ROA vẫn được duy trì ở mức trên 23% và suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu của Tổng công ty vẫn ở mức cao là 28%, khả năng sinh lời trong năm 2010 của Tổng công ty là tốt.

2. Khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	2010	2009
Khả năng thanh toán hiện hành = Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn	5,22	6,37
Khả năng thanh toán nhanh = (Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	4,50	5,43

Khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh trong năm 2010 của Tổng công ty là rất tốt.

3. Tỷ số hoạt động năm 2010

- Kỳ thu tiền bình quân trong năm 2010 là 13,6 ngày cho thấy tình hình các khoản phải thu của Tổng công ty vẫn duy trì ở mức thu hồi tốt.
- Vòng quay hàng tồn kho trong năm là 36,5 ngày.
- Vốn chủ sở hữu chiếm đến 84% trong tổng nguồn vốn cho thấy tình hình tài chính rất tốt, rất lành mạnh, đặc biệt trong bối cảnh khủng hoảng tài chính vừa qua đồng thời đã mang lại một khoản lợi nhuận đáng kể. Hiệu suất sử dụng vốn (Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu) là 1,06 (doanh thu bằng 106% vốn chủ sở hữu), cho thấy Tổng công ty sử dụng đòn bẩy tài chính từ việc tài trợ bằng vốn vay là rất thấp do đó không có rủi ro về vốn vay cũng như chịu lãi suất ngân hàng đang rất cao như hiện nay, đồng thời tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính, không đầu tư dàn trải...

Năm 2010, Tổng công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam thực hiện công tác an sinh xã hội với nhiều loại hình hoạt động đa dạng, góp phần quảng bá hình ảnh và đưa Tổng công ty lên tầm cao mới trên thị trường trong nước và quốc tế.

Nhìn chung, các chỉ số của Tổng công ty trong năm 2010 là tốt, vẫn duy trì được sự ổn định và tăng trưởng trong bối cảnh tình hình kinh tế trong nước và thế giới rất khó khăn.

4. Những thay đổi về vốn cổ đông

Trong năm 2010 không có thay đổi lớn về vốn cổ đông của Tổng công ty, với vốn điều lệ 3.800 tỷ đồng, chia thành 380.000.000 cổ phần phổ thông, trong đó cổ phần Nhà nước chiếm 61,4%.

Trong năm 2010, Tổng công ty đã tiếp tục mua vào 1.352.260 cổ phiếu quỹ, nâng số lượng cổ phiếu quỹ lên 2.352.260 cổ phiếu, giá bình quân là 35.403 VNĐ. Như vậy tính đến thời điểm 31/12/2010, số cổ phần đang lưu hành là 377.647.740 cổ phần.

5. Cổ tức

Tổng công ty đã tạm ứng cổ tức với mức 1.000 đồng/cổ phần (10% mệnh giá), theo đó tổng số tiền chi trả là 378.945.420.000 VNĐ.

Tổng mức cổ tức cổ đông nhận được từ kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính 2010 sẽ theo phương án phân phối lợi nhuận cụ thể được quyết định tại phiên họp thường niên năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông.

6. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010

Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán.

7. So sánh biến động giá cổ phiếu DPM và VN - Index trong năm 2010

Chỉ số	Ngày 31/12/2009	Ngày 31/12/2010	Tăng/(giảm)
VN Index	494.77	484.66	Giảm 2,1%
Giá cổ phiếu DPM	36.000	38.000	Tăng 5,6%

Giá cổ phiếu DPM tăng 5,6% trong khi VN - Index giảm 2,1%.

CÁC TIẾN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

• **Trong hoạt động sản xuất:** Đội ngũ kỹ sư, cán bộ vận hành Nhà máy Đạm Phú Mỹ có sự trưởng thành vượt bậc, có khả năng thay thế hoàn toàn các chuyên gia nước ngoài. Trong quá trình sản xuất luôn chú trọng công tác theo dõi, kiểm tra, kiểm soát các thiết bị, máy móc đã góp phần đáng kể vào việc giảm thiểu các sự cố trong sản xuất. Trong công tác bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng sửa chữa lớn đều được Nhà máy chủ động lập kế hoạch chi tiết, thực hiện kịp thời và quá trình bảo dưỡng luôn vượt tiến độ với chất lượng tốt, góp phần đảm bảo cho Nhà máy tiếp tục vượt sản lượng thiết kế. Đội ngũ cán bộ của Tổng công ty có đủ khả năng tham gia làm dịch vụ: quản lý sản xuất, vận hành, bảo dưỡng các nhà máy tương tự khác.

• **Trong hoạt động kinh doanh:** Hoàn thành việc xây dựng hệ thống kinh doanh, phân phối các sản phẩm của Tổng công ty trên cả nước thông qua các công ty thành viên tại các vùng miền. Tổng công ty đã triển khai hệ thống gồm 9 cửa hàng Phân bón Hóa chất Dầu khí, 88 đại lý/cửa hàng cấp 1 và 2.632 cửa hàng cấp 2. Ngoài ra, Tổng công ty đã nhập khẩu 144.313 tấn phân bón các loại, đảm bảo cung cấp trên 50% nhu cầu urê trong nước.

• **Trong công tác tài chính và quản lý vốn:** Tổng công ty đã từng bước triển khai phương án quản lý dòng tiền hiệu quả, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư và quản lý vốn.

• **Trong công tác tổ chức nhân sự:** Thiết lập cơ chế quản lý phân nhiệm, hoàn thiện các quy chế, chuẩn mực quản trị công ty phù hợp với mô hình Tổng công ty cổ phần.

• **Trong công tác đầu tư, xây dựng cơ bản:** Tổng công ty đã triển khai 12 dự án (gồm 1 dự án nhóm A, 7 dự án nhóm B, 4 dự án nhóm C) và các dự án đầu tư cửa hàng, văn phòng,... Các dự án đã triển khai và hoàn thành theo tiến độ; đặc biệt dự án thu hồi CO₂ từ khói thải Nhà máy Đạm Phú Mỹ vượt tiến độ 5 tháng. Giá trị giải ngân trong đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản năm 2010 là 971 tỷ đồng - tăng 1% so với năm 2009.

• **Trong hoạt động quảng bá thương hiệu:**

- Với chất lượng sản phẩm tốt, chính sách bán hàng và giá cả hợp lý, các thông tin hướng dẫn người tiêu dùng đầy đủ, tin cậy, sản phẩm Đạm Phú Mỹ đã trở thành thương hiệu mạnh, uy tín, gần gũi và tin cậy đối với bà con nông dân; cổ phiếu DPM tiếp tục là cổ phiếu Blue chip và luôn tăng trưởng trong điều kiện VN - Index tăng trưởng không bền vững thậm chí giảm cả về chỉ số và giá trị giao dịch. Trong điều kiện đó, cổ phiếu DPM vẫn là cổ phiếu trụ cột, xứng đáng với niềm tin mà quý cổ đông đã dành cho cổ phiếu DPM.

- Tổng công ty đã luôn quan tâm, chăm sóc khách hàng, đại lý cùng với các chính sách khuyến mãi, hậu mãi khuyến khích bà con tiêu thụ hàng của Tổng công ty. Tổ chức Hội nghị khách hàng để trao đổi thông tin về thị trường và nghe ý kiến phản hồi từ phía khách hàng để Tổng công ty ngày càng phục vụ tốt hơn.

- Năm 2010, Tổng công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam thực hiện công tác An sinh xã hội với nhiều loại hình hoạt động đa dạng, góp phần quảng bá hình ảnh và đưa Tổng công ty lên tầm cao mới trên thị trường trong nước và quốc tế.



7.000 tỷ
doanh thu

1.570 tỷ
lợi nhuận trước thuế



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 được Hội đồng quản trị xây dựng, trên cơ sở dự báo tình hình thị trường phân bón và mặt bằng giá nguyên liệu đầu vào năm 2011, trong đó giá khí nguyên liệu căn cứ theo mức giá hiện hành áp dụng cho sản xuất phân đạm. Trong trường hợp Chính phủ phê duyệt lộ trình giá khí mới, kế hoạch sẽ được xem xét cập nhật.

• Các chỉ tiêu kế hoạch

1/ Chỉ tiêu sản lượng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2011
1	Sản lượng sản xuất		
	- Urê Phú Mỹ	Nghìn tấn	770
	- Bao bì	Triệu bao	28,3
2	Phân bón nhập khẩu	Nghìn tấn	250
3	Sản lượng kinh doanh	Nghìn tấn	
	- Urê Phú Mỹ	Nghìn tấn	800
	- Bao bì	Triệu bao	28,3
	- Kinh doanh XNK phân bón, hóa chất và kinh doanh khác	Nghìn tấn	320

2/ Kế hoạch tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2011
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.570
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.430
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	304

3/ Kế hoạch Công ty mẹ

a/ Kế hoạch Tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2011
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	6.467
	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.800
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.637
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.515
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.407
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	37
6	Nộp NSNN	Tỷ đồng	184

b/ Kế hoạch vốn đầu tư

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2011
1	Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng	1.584
	a/ Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	942
	b/ Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	134
	c/ Đầu tư góp vốn	Tỷ đồng	507
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	1.584
	a/ Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.219
	Trong đó: - Vốn điều lệ tăng thêm	Tỷ đồng	0
	- Các quỹ khác	Tỷ đồng	1.219
	b/ Vốn vay và khác	Tỷ đồng	365

• Giải pháp thực hiện kế hoạch

1. Về sản xuất, kỹ thuật và công nghệ:

- Tuyệt đối tuân thủ các qui chế, qui định và qui trình để đảm bảo Nhà máy Đạm Phú Mỹ vận hành ổn định, an toàn, sản phẩm đạt chất lượng cao.
- Áp dụng và kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện bộ định mức tiêu hao nguyên vật liệu, phụ liệu hoá chất; thực hành tiết kiệm tối đa trong sản xuất.
- Nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm. Khuyến khích cải tiến công nghệ, sáng kiến hợp lý hóa sản xuất.
- Về công nghệ thông tin: Hoàn chỉnh hệ thống phần mềm phục vụ quản lý và sản xuất: phần mềm quản lý nguồn lực doanh nghiệp (ERP); phần mềm bản quyền, tính toán công nghệ, xây dựng thư viện điện tử, kiến thức an toàn...

2. Về kinh doanh:

- Hoàn thiện hệ thống phân phối, phương tiện vận chuyển, phát triển hệ thống kho bãi để đảm bảo nguồn hàng luôn sẵn có tại các vùng miền, tạo tính chủ động, linh hoạt trong kinh doanh.
- Tích cực tham gia thị trường xuất nhập khẩu phân bón, tạo mối liên kết chặt chẽ với các nhà nhập khẩu có kinh nghiệm trong tiêu thụ để tăng thị phần, góp phần bình ổn giá phân bón trong nước và điều tiết được thị trường.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm dịch vụ đồng thời mở rộng thị trường kinh doanh sản phẩm của Tổng công ty sang các nước lân cận.

3. Về đầu tư phát triển:

- Ưu tiên thực hiện dự án quan trọng để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn. Lựa chọn tư vấn lập dự án đầu tư có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao làm cơ sở để đàm phán hợp đồng với nhà thầu.
- Tập trung triển khai các Dự án sản xuất NPK, Amoniac, Glyphosate theo đúng tiến độ: khởi công xây dựng Dự án NPK trong tháng 07/2011, hoàn thành việc chuẩn bị đầu tư các Dự án Amoniac, Glyphosate trong Quý 3/2011, tạo điều kiện khởi công các Dự án này vào đầu năm 2012.

4. Về tài chính:

- Quản lý chặt chẽ về tài chính, kiểm soát được dòng tiền, nguồn hàng làm tăng khả năng quay vòng vốn nhằm mang lại hiệu quả kinh tế tối ưu.

- Tham gia các dự án đầu tư góp vốn có hiệu quả nhất. Thu xếp vốn đảm bảo triển khai các dự án.

5. Về tổ chức – nhân sự:

- Ổn định, hoàn thiện bộ máy tổ chức theo mô hình Công ty mẹ - công ty con.
- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động nhằm động viên khuyến khích người lao động hăng say trong công tác.
- Phát huy tối đa nguồn lực của các công ty con mà Tổng công ty nắm quyền chi phối.
- Xây dựng thành công văn hóa doanh nghiệp theo tiêu thức “Hiệp tác, Kỷ cương, Chuyên nghiệp, Tiết kiệm”.
- Công tác đào tạo năm 2011: với mục tiêu đã đưa ra ở trên, Tổng công ty xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo toàn diện, không ngừng nâng cao chất lượng cán bộ để đáp ứng với nhiệm vụ.



6. Về môi trường, an toàn, sức khỏe:

- Luôn phấn đấu vì mục tiêu an toàn cho sức khỏe của người lao động và cộng đồng xã hội lên hàng đầu.
- Duy trì sản xuất kinh doanh, đầu tư đa dạng hóa sản phẩm trên nguyên tắc tuân thủ các quy định về môi trường do luật pháp quy định.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của các Nhà máy sản xuất, đảm bảo xử lý chất thải theo đúng quy định, chỉ tiêu đăng ký.
- Xây dựng chương trình hành động, kế hoạch bảo hộ lao động và các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người lao động trong toàn Tổng công ty.
- Giám sát, kiểm tra và lập kế hoạch đánh giá nội bộ định kỳ nhằm duy trì Hệ thống quản lý chất lượng, sức khỏe, an toàn và môi trường.



7. Về quản lý:

- Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý tổng thể hoạt động trong Tổng công ty để có những quyết sách phù hợp kịp thời; xây dựng Hệ thống hoạch định nguồn lực (ERP).
- Duy trì hoạt động sản xuất an toàn, hiệu quả, công suất cao.
- Bám sát các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, các giải pháp đã đề ra và có những chỉ đạo phù hợp với từng giai đoạn, từng thị trường.
- Trong kinh doanh, nghiên cứu điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng đón đầu được thị trường.
- Mở rộng phạm vi kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm để phù hợp với thời kỳ hội nhập mới, đồng thời tạo chỗ đứng vững chắc cho Tổng công ty trên thị trường trong nước và vươn ra thị trường quốc tế.

8. Về tiếp thị, truyền thông và hoạt động cộng đồng:

- Tích cực tham gia hoạt động cộng đồng và sử dụng có hiệu quả quỹ an sinh xã hội.
- Tăng cường quan hệ hợp tác báo chí – truyền thông, chủ động trao đổi thông tin thường xuyên và kịp thời với các cơ quan báo chí.
- Tăng cường việc xây dựng hệ thống phân phối, bán hàng đến tay người tiêu dùng, kết hợp với củng cố hệ thống chăm sóc người tiêu dùng, hướng dẫn sử dụng phân bón có hiệu quả, nhằm tăng năng suất cây trồng và bảo vệ môi trường.

9. Chuẩn bị nguồn lực cho Nhà máy Đạm Cà Mau:

- Cung ứng dịch vụ đào tạo, thực tập tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ cho đội ngũ vận hành của Nhà máy Đạm Cà Mau;
- Hỗ trợ Ban quản lý dự án Đạm Cà Mau trong công tác giám sát việc gia công, chế tạo một số thiết bị của Nhà máy Đạm Cà Mau.
- Chuẩn bị các điều kiện triển khai các hợp đồng dịch vụ liên quan đến quản lý, vận hành và tiêu thụ sản phẩm của dự án Nhà máy Đạm Cà Mau.



10. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

- Lập kế hoạch hành động cụ thể và thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong toàn Tổng công ty trên cơ sở chương trình hành động đã đề ra. Liên tục đánh giá để có những điều chỉnh phù hợp với tình hình mới.

Tập thể Lãnh đạo và cán bộ, công nhân viên Tổng công ty đồng tâm hiệp lực triển khai các nhiệm vụ với khẩu hiệu **“Phát triển bền vững, hiệu quả và tiết kiệm”**. Phấn đấu xây dựng Tổng công ty trên nền tảng đã tích lũy qua những năm trước, vun đắp cho sự tăng trưởng bền vững để nuôi dưỡng thành công và tiếp tục thành công hơn nữa trong tương lai.





HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2010, Hội đồng quản trị đã làm việc thông qua các phiên họp định kỳ và bất thường, quyết định những nội dung thuộc thẩm quyền, tiêu biểu như sau:

- Thông qua kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2010; phê duyệt điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành Tổng công ty, chỉ đạo kiện toàn bộ máy quản lý, điều hành tại các công ty con và cử người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các công ty liên kết, tăng mức vốn góp tại Công ty cổ phần quản lý và phát triển nhà Dầu khí Miền Nam lên 75%, góp vốn Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (19%), thông qua phương án tái cấu trúc các đơn vị thành viên của Tổng công ty.
- Tiếp tục ban hành các bộ định mức kinh tế - kỹ thuật về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, gồm định mức hao hụt urê tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ, ban hành định mức vốn lưu động và công nợ phải thu của Tổng công ty và các Công ty con.
- Ban hành/sửa đổi các quy chế quan trọng trong công tác quản trị Tổng công ty: Quy chế đại lý tiêu thụ sản phẩm; Quy chế về công tác văn thư; Quy chế nâng bậc lương; Quy chế về công tác phí và định mức trang thiết bị, công cụ dụng cụ, phương tiện đi lại và chi phí hành chính khác; Quy chế quản lý và phối hợp kinh doanh hóa chất.

- Về đầu tư xây dựng: Quyết định phê duyệt kế hoạch đầu thầu giai đoạn 2 Dự án Nhà máy sản xuất phân bón NPK công suất 400 ngàn tấn/năm tại KCN Phú Mỹ; phê duyệt chủ trương mua lại phần vốn góp của các bên hợp tác đầu tư trong dự án tòa nhà văn phòng 43 Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, TP. HCM để sở hữu 100% công trình, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án sản xuất Amoniac từ khí thiên nhiên, sản xuất nitrat amon và sản xuất hoạt chất glyphosate.
- Quyết định chi tạm ứng cổ tức đợt 1: 10% mệnh giá cổ phiếu.
- Chỉ đạo tổ chức hệ thống tiêu thụ sản phẩm thông qua các công ty con ở vùng miền, tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu phân bón, hóa chất.
- Thực hiện các hoạt động giám sát, chỉ đạo khác cho Ban Điều hành trong tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Các thành viên HĐQT tại Tổng công ty gồm Chủ tịch HĐQT và 4 thành viên chuyên trách đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua các quy chế, chế độ báo cáo, các cuộc họp với Ban Điều hành có sự tham dự của HĐQT.

HĐQT đã hướng tới các chuẩn mực quản trị công ty cổ phần, thực tế qua mỗi năm đạt kết quả tốt hơn, đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của pháp luật. Việc

giám sát, đôn đốc, kiểm tra của HĐQT đã giúp Ban Điều hành tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, hiệu quả giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty mỗi năm được phát triển ổn định và vượt các chỉ tiêu kế hoạch.





KẾ HOẠCH ĐỂ TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ban hành và áp dụng các quy chế quản trị nội bộ, quy chế tài chính, quy chế phối hợp trong bộ máy điều hành, các quy chế khác, áp dụng các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp tiên tiến, các bộ định mức, quy chế giám sát, kiểm soát nội bộ, các hệ thống quản lý chất lượng, quản lý an toàn sức khỏe, môi trường, xây dựng và triển khai xây dựng hệ thống quản trị nguồn lực hiện đại (ERP). Đảm bảo bộ máy quản lý, điều hành, giám sát hoạt động chuyên nghiệp, trách nhiệm cao và có hiệu quả, cam kết mang lại lợi ích cho các nhà đầu tư, cổ đông và cộng đồng.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đại hội đồng cổ đông - phiên họp thường niên năm 2007 bầu Ban kiểm soát Tổng công ty gồm 3 thành viên nhiệm kỳ 5 năm, hoạt động theo Quy chế và các quy định của pháp luật. Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành về việc chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; điều lệ Tổng công ty và pháp luật Nhà nước; phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong công tác quản lý bằng cách nắm bắt và phản hồi thông tin, kiến nghị kịp thời những vấn đề liên quan nhằm bảo đảm hoạt động của Tổng công ty đúng định hướng, hiệu quả, minh bạch, an toàn đảm bảo lợi ích của cổ đông.

Trong năm 2010 Ban kiểm soát kết hợp cùng với Ban Kiểm toán nội bộ và các Ban chức năng thực hiện các cuộc kiểm tra hoạt động sản xuất - kinh doanh của Tổng công ty, kiểm tra việc tuân thủ các quy chế kiểm tra kiểm soát nội bộ của Tổng công ty tại các đơn vị trực thuộc. Kết quả kiểm tra, giám sát năm 2010 như sau:

• Việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Để thực hiện kế hoạch năm 2010 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Tổng công ty đã cơ cấu lại tổ chức bộ máy quản lý, thành lập, giải thể, sát nhập các Ban chức năng và điều chỉnh tương ứng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn các Ban phù hợp với tình hình kinh tế bị ảnh hưởng sau cuộc khủng hoảng tài chính thế giới, thay đổi người đại diện phần vốn và bổ nhiệm Chủ tịch tại các Công ty TNHH trực thuộc, điều chỉnh chính sách nhân viên đảm bảo đúng chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2025 của Tổng công ty.

Nhằm tăng cường công tác xây dựng hệ thống tiêu thụ bền vững trên khắp các vùng miền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và năng lực cạnh tranh, Tổng công ty đã thực hiện tái cấu trúc chuyển đổi 5 Công ty TNHH một thành viên thành các Công ty cổ phần và Chi nhánh.

Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 16/04/2010 và Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán, Tổng công ty đã chi trả cổ tức đợt cuối năm 2009 là 13% mệnh giá tương đương 1.300 đồng/cổ phần.



Căn cứ vào kết quả sản xuất – kinh doanh năm 2010, Hội đồng quản trị đã quyết định tạm chi cổ tức đợt 1 năm 2010 là 10% trên mệnh giá tương đương 1.000 đồng/cổ phần theo Nghị quyết số 149/NQ-PBHC ngày 29 tháng 7 năm 2010. Kết quả sản xuất – kinh doanh năm 2010 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2010	TH năm 2010	TH/KH
1. Sản lượng sản xuất				
- Urê Phú Mỹ	Tấn	740.000	807.129	109%
- Amoniac dư	Tấn	25.000	28.252	113%
- Bao bì	Nghìn bao	27.000	27.587	102%
2. Sản lượng kinh doanh				
- Urê Phú Mỹ	Tấn	750.000	806.152	107%
- Amoniac dư	Tấn	25.000	24.605	98%
- Bao bì	Nghìn bao	27.000	27.220	101%
- XNK phân bón, kinh doanh khác	Tấn	254.000	263.334	103%
3. Các chỉ tiêu tài chính				
- Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.646	6.999	124%
- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.007	1.922	191%
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	927	1.703	184%

Cổ phiếu DPM
tiếp tục là cổ
phiếu Blue chip và
luôn tăng trưởng
trong điều kiện
VN - Index tăng
trưởng không bền
vững thậm chí
giảm cả về chỉ số
và giá trị giao dịch.

• **Việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT và Ban TGD**

Biến đổi khí hậu, hạn hán, nước mặn xâm thực đã gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp năm 2010. Nền kinh tế của Việt Nam tiếp tục chịu tác động mạnh bởi khủng hoảng kinh tế toàn cầu, áp lực lạm phát gia tăng gây bất ổn trong nền kinh tế. Những nguyên nhân này đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón của Tổng công ty. Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc quyết định tạm dừng các dự án đầu tư xây dựng cơ bản chưa thật sự cần thiết, đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng yếu, đưa vào sử dụng các dự án đã hoàn thành. Kết thúc năm tài chính Tổng công ty đã vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch chính do Đại hội đồng cổ đông phiên họp thường niên năm 2010 thông qua.

Hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã mang lại lợi ích cho cổ đông. Lợi nhuận sau thuế vượt 84% so kế hoạch, nộp ngân sách Nhà nước đạt 407 tỷ đồng, tỷ suất LNTT/VĐL đạt 50,5%, các nghị quyết, quyết định của Tổng công ty tuân thủ Điều lệ, quy định pháp luật và phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng công ty.

• **Đánh giá sự phối hợp giữa BKS và HĐQT, Ban TGD, cán bộ quản lý**

Trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại Tổng công ty, Ban kiểm soát nhận được sự hỗ trợ từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Ban chức năng theo quy chế phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát, tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, được cung cấp tài liệu, số liệu và các bằng chứng của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đúng thời hạn và đầy đủ thông tin cần thiết.

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Tổng công ty áp dụng chế độ lương cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Tổng công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên của Tổng công ty.

Đối với các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách, Tổng công ty thực hiện chế độ thù lao công việc.

Tiền thưởng trích từ lợi nhuận sau thuế áp dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông về Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành.

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NẤM GIỮ CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN TỔNG GIÁM ĐỐC/BAN KIỂM SOÁT/KẾ TOÁN TRƯỞNG

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu DPM	
			Đại diện	Sở hữu cá nhân
1.	Nguyễn Xuân Thắng	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 10/06/2009-04/01/2011)	76.204.253	5.000
2.	Phan Đình Đức	Tổng giám đốc	-	3.000
3.	Bùi Minh Tiến	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 04/01/2011)	77.404.253	-
4.	Cao Hoài Dương	Tổng giám đốc (từ 15/11/2010) kiêm Thành viên HĐQT (từ ngày 08/02/2011)	55.100.000	2.000
5.	Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT	55.100.000	5.000
6.	Nguyễn Đức Hòa	Thành viên HĐQT	45.600.000	-
7.	Bùi Quang Hưng	Thành viên HĐQT	6.189.460	4.000
8.	Phạm Đăng Nam	Thành viên HĐQT (từ ngày 24/03/2009 – 08/02/2011)	47.500.000	3.000

(*) Ghi chú:
- Số lượng cổ phiếu DPM thuộc phần vốn nhà nước do các thành viên HĐQT đại diện được cập nhật theo các Quyết định giao đại diện phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.
- Số lượng cổ phiếu DPM do thành viên HĐQT Bùi Quang Hưng đại diện cho phần vốn của Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC), được cập nhật theo các báo cáo kết quả giao dịch trong năm của PVFC mà Tổng công ty nhận được tính đến 31/12/2010.



THÔNG TIN VỀ CÁC GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN TỔNG GIÁM ĐỐC/ BAN KIỂM SOÁT/KẾ TOÁN TRƯỞNG, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

- Ngày 14/12/2009 ông Phạm Đăng Nam, thành viên Hội đồng quản trị thông báo mua 3.000 cổ phần và thông báo đã thực hiện mua 3.000 cổ phần ngày 22/02/2010;

- Ngày 28/02/2010 ông Bùi Quang Hưng, thành viên Hội đồng quản trị thông báo mua 4.000 cổ phần và thông báo đã thực hiện mua 4.000 cổ phần ngày 03/03/2010;

- Ngày 20/05/2010 ông Phan Đình Đức, Tổng giám đốc, thông báo mua 7.000 cổ phần;

- Ngày 14/07/2010 Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – công ty cổ phần, thông báo việc mua 2.000.000 cổ phiếu quỹ và đã thông báo kết quả mua 1.352.260 cổ phiếu quỹ ngày 26/10/2010, nâng tổng số cổ phiếu quỹ lên 2.352.260 cổ phiếu;

- Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, có Người đại diện phần vốn là ông Bùi Quang Hưng, giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty, đã thông báo giao dịch cổ phiếu DPM trong năm 2010 như sau:
- + Ngày 17/12/2009: Thông báo lượng cổ phiếu nắm giữ là 3.677.380 cổ phần và thông báo mua 3.000.000 cổ phiếu.

+ Ngày 02/03/2010: Thông báo đã mua xong 2.619.780 cổ phiếu.

+ Ngày 08/04/2010: Thông báo bán 146.000 cổ phiếu

+ Ngày 14/06/2010: Thông báo đã bán xong 8.000 cổ phiếu.

+ Ngày 25/06/2010: Thông báo mua 2.000.000 cổ phiếu và thông báo bán 500.000 cổ phiếu.

+ Ngày 10/08/2010: Thông báo kết quả đã bán xong 97.200 cổ phiếu và mua 0 cổ phiếu.

+ Ngày 12/10/2010: Thông báo bán 40.800 cổ phiếu

+ Ngày 16/12/2010: Thông báo đã bán xong 2.500 cổ phiếu.

+ Ngày 21/12/2010: Thông báo bán 2.000.000 cổ phiếu.

CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

(Theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập ngày 28/02/2011, tổng số cổ phần đang lưu hành là 377.647.740, sở hữu bởi 8.918 cổ đông.)

1. Cổ đông trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước:

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần lưu hành
Pháp nhân	122	261.923.384	69,36%
Cá nhân	8.182	20.181.512	5,34%
Cộng	8.304	282.104.896	74,70%

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn trong nước:

TT	Tên cổ đông và địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần
1.	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam Địa chỉ: 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội. Tập đoàn kinh tế nhà nước thuộc sở hữu của Chính phủ CHXHCN Việt Nam Website: www.pvn.vn	• Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, tàng trữ và vận chuyển dầu khí, làm dịch vụ dầu khí trong và ngoài nước; Kinh doanh vật tư thiết bị trong ngành dầu khí, kinh doanh, phân phối sản phẩm dầu khí và hóa dầu. • Đầu tư sản xuất, kinh doanh điện, nhiên liệu sinh học, năng lượng tái tạo. • Các ngành nghề kinh doanh phụ trợ liên quan đến lĩnh vực dầu khí, năng lượng.	233.204.253	61,37%

2. Cổ đông nước ngoài

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài:

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần lưu hành
Pháp nhân	116	94.533.036	25,03%
Cá nhân	498	1.009.808	0,27%
Cộng	614	95.542.844	25,30%

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn nước ngoài:

TT	Tên cổ đông và địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần
1.	Deutsche Bank AG London Winchester House, 1 Great Winchester Street, London EC2N 2DB Chi nhánh của tập đoàn ngân hàng Deutsche Bank (ngân hàng tư nhân lớn nhất nước Đức) tại London Website: www.db.com	• Cung cấp Dịch vụ tài chính, ngân hàng và đầu tư toàn cầu. • Deutsche Bank AG London thực hiện nghiệp vụ mua bán nhiều cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó có cổ phiếu DPM, tại một số thời điểm số cổ phiếu DPM mà Deutsche Bank AG London sở hữu chiếm hơn 5% tổng số cổ phiếu lưu hành của DPM	19.074.040	5,02%



Trong năm 2010
 Tổng công ty đã đẩy
 mạnh và từng bước
 chuyên nghiệp hóa hoạt
 động quan hệ với nhà
 đầu tư nhằm tăng sự
 thông hiểu về kỳ vọng
 cũng như tăng tính chủ
 động trong việc đáp ứng
 và nắm bắt thông tin từ
 các nhà đầu tư.

Tổng công ty đã xây dựng đề án quan hệ cổ đông và triển khai các công việc chính sau:

- Tổ chức bộ phận quan hệ nhà đầu tư bao gồm các thành viên của Văn phòng Hội đồng quản trị, Ban Tài chính Kế toán, Ban Tiếp thị và Truyền thông, có sự liên hệ, phối hợp chặt chẽ với Người công bố thông tin và Thư ký công ty.
- Nâng cấp trang web của Tổng công ty, bảo đảm trang web được cập nhật đầy đủ các thông tin về Tổng công ty cho cả nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- Gặp gỡ, trao đổi, cung cấp thông tin đồng thời lắng nghe các phản hồi từ các nhà đầu tư hiện hữu và tiềm năng. Hoạt động này được tổ chức thường xuyên hoặc định kỳ theo nhiều hình thức: Tiếp các quỹ đầu tư, nhà đầu tư theo đề nghị cung cấp thông tin, chủ động tổ chức gặp mặt nhà đầu tư định kỳ và nhân các dịp đặc biệt, kết hợp với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ tổ chức các diễn đàn về cổ phiếu DPM, tổ chức cho các công ty chứng khoán, quản lý quỹ và các nhà đầu tư đến tham quan Nhà máy Đạm Phú Mỹ...
- Ra mắt Bản tin Nhà đầu tư: Định kỳ mỗi quý, Bản tin tóm tắt các hoạt động, báo cáo tài chính, định hướng kinh doanh, dữ liệu đầu tư tài chính, các hoạt động hợp tác

kinh doanh của Tổng công ty, phân tích nhận định đầu tư cổ phiếu DPM và các thông tin chung trong ngành phân bón, hóa chất, dầu khí.

- Liên kết hợp tác thông tin với các cơ quan truyền thông, đặc biệt là các kênh thông tin chuyên ngành kinh tế, đầu tư tài chính nhằm cung cấp thông tin rộng rãi nhất đến các nhà đầu tư.
- Cập nhật danh sách nhà đầu tư một cách thường xuyên và bao gồm đầy đủ các thông tin chi tiết.
- Hợp tác với đơn vị chuyên nghiệp để có những báo cáo khách quan về hiện trạng công tác quan hệ nhà đầu tư, các mong muốn và kỳ vọng của nhà đầu tư để triển khai hoạt động quan hệ nhà đầu tư ngày càng tốt hơn.

Trong năm 2011, Tổng công ty sẽ tiếp tục duy trì tốt các hoạt động nêu trên đồng thời hướng dẫn các công ty con đang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần triển khai tốt hoạt động quan hệ nhà đầu tư.



Tổng công ty nhận thức sớm về vấn đề kiểm soát và quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngay từ thời điểm nhận bàn giao Nhà máy Đạm Phú Mỹ từ Nhà thầu, Tổng công ty đã từng bước tiến hành công tác quản trị rủi ro, trước hết là trong khâu sản xuất. Giai đoạn đầu bên cạnh đội ngũ nhân lực quản lý, vận hành Nhà máy được tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện kỹ càng, Tổng công ty đã thuê nhiều chuyên gia, kỹ sư lành nghề nước ngoài để vận hành Nhà máy và tập huấn, đào tạo, chuyển giao kỹ năng cho đội ngũ cán bộ quản lý vận hành của Nhà máy. Hiện nay, nguồn nhân lực của Nhà máy hoàn toàn đủ tự tin và năng lực, kinh nghiệm để thực hiện tốt công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng Nhà máy.

Năm 2006, Tổng công ty đã hoàn thành và được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2000. Sau 2 năm hoạt động, Tổng công ty tiếp tục xây dựng hệ thống quản lý an toàn, sức khỏe môi trường theo tiêu chuẩn OHSAS 18001 và ISO 14001. Năm 2010 cả 3 hệ thống quản lý được tích hợp và áp dụng tại Tổng công ty và Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Ngoài ra, đã có 4 công ty thành viên hoàn thành và được cấp chứng nhận ISO 9001 : 2008 vào đầu năm 2011.

Ngoài các quy trình, hướng dẫn vận hành an toàn thiết bị do nhà thầu lắp đặt chuyển giao, Tổng công ty còn xây dựng Hệ thống quy trình, hướng dẫn công việc phục vụ

cho công tác quản lý an toàn ở mọi khâu sản xuất như Chương trình đào tạo nhận thức cho người lao động nhận biết rủi ro (STOP), Quy trình kiểm soát rủi ro và tác động môi trường, Quy trình cấp phép làm việc, Quy trình đánh giá sự thay đổi, Quy trình ứng cứu trong tình huống khẩn cấp, Quy trình khắc phục phòng ngừa,... Những quy trình, quy định này được phổ biến và áp dụng nghiêm ngặt, tập huấn định kỳ và thường xuyên, được các tổ chức có thẩm quyền đánh giá cao và công nhận. Trong hơn 6 năm hoạt động liên tục, Nhà máy Đạm Phú Mỹ không xảy ra tai nạn, sự cố nghiêm trọng nào đảm bảo an toàn và hiệu quả trong công tác vận hành.

Về phương diện tài chính, Tổng công ty chú trọng đến công tác bảo hiểm rủi ro cho mọi lĩnh vực hoạt động: Nhà máy, nhà văn phòng, công trình xây dựng,... hàng năm đều được mua bảo hiểm mọi rủi ro tài sản với phạm vi và mức trách nhiệm bảo hiểm cao nhất, với các nhà bảo hiểm trong nước và nhà tái bảo hiểm hàng đầu thế giới. Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm đối với cộng đồng và người thứ ba cho rủi ro tại nhà máy và các hoạt động khác. Hàng hóa, sản phẩm của Tổng công ty tại các khâu vận chuyển, lưu giữ, phân phối,...đều được bảo hiểm với các loại hình phù hợp với mức tối đa. Đặc biệt, nhận thức được rằng khi công việc sản xuất kinh doanh gặp rủi ro ngưng trệ thì cổ đông của

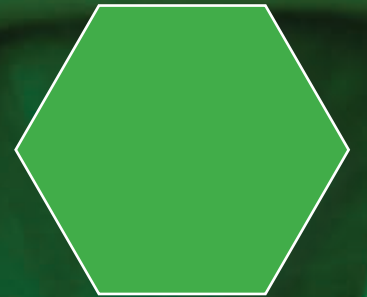
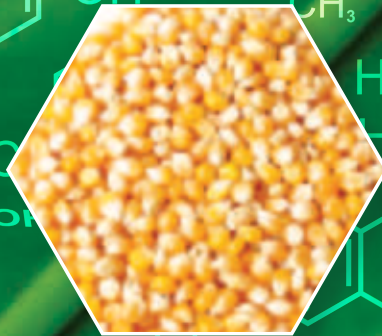
Tổng công ty sẽ thiệt hại lớn do mất doanh thu, lợi nhuận, ngoài việc mua bảo hiểm cho các tài sản, vật chất hữu hình, Tổng công ty đã tham gia chương trình bảo hiểm gián đoạn kinh doanh (Business Interruption). Tất cả các chương trình bảo hiểm nêu trên đã tạo cho Tổng công ty một lá chắn hữu hiệu về mặt tài chính, tăng khả năng duy trì hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh một khi xảy ra những tình huống rủi ro.

Về tổ chức quản lý, Tổng công ty chú trọng đến việc thiết lập và tăng cường vai trò của bộ máy kiểm soát nội bộ. Bộ máy kiểm soát của Tổng công ty hoạt động theo các quy định, chuẩn mực của pháp luật về doanh nghiệp và điều lệ Tổng công ty. Năm 2010, Tổng công ty triển khai công tác tái cơ cấu bộ máy, trong đó nhiệm vụ quan trọng là xây dựng bộ máy và cơ chế hoạt động cho hệ thống kiểm soát nội bộ với mục tiêu kiểm tra, chỉ ra những sai sót, những mối nguy, rủi ro cho toàn hệ thống và tư vấn những biện pháp khắc phục, phòng ngừa. Đồng thời, để hạn chế những rủi ro trong kinh doanh, Tổng công ty đã thành lập bộ phận chuyên trách dự báo thị trường. Ngoài ra, hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) đã được triển khai áp dụng tại Tổng công ty từ năm 2011. Tất cả các công việc trên đã được Tổng công ty triển khai thực hiện bài bản, theo kế hoạch, lộ trình và tư vấn chuyên nghiệp của các tổ chức tư vấn uy tín hàng đầu thế giới về quản trị, kiểm soát, kiểm toán...

Với những mục tiêu phát triển đến năm 2015 và trước diễn biến tình hình kinh tế trong nước và thế giới, Tổng công ty xác định trong tương lai, đồng hành với hoạt động sản xuất kinh doanh thì công tác kiểm soát và quản lý rủi ro là nhiệm vụ quan trọng bên cạnh các hoạt động khác và được ban lãnh đạo ưu tiên hàng đầu trong việc quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Tối ưu Hệ thống

Tổng công ty tích cực hoàn thiện bộ máy thông qua chương trình tái cấu trúc các đơn vị thành viên, đồng thời liên tục kiện toàn và phát triển mạng lưới phân phối nhằm đưa sản phẩm tới tận tay người sử dụng cuối cùng.



Tổng công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - công ty con, bao gồm các công ty nắm giữ cổ phần chi phối và các công ty liên kết.



CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Năm 2010, Tổng công ty gồm có 7 công ty con và 6 công ty liên kết.

Các công ty nắm giữ trên 50% cổ phần

STT	Tên công ty	Loại hình	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	TNHH	65.000	100%
2	Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	TNHH	80.000	100%
3	Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	TNHH	80.000	100%
4	Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	TNHH	100.000	100%
5	Công ty TNHH MTV Thương mại – Dịch vụ Phân bón và Hóa chất Dầu khí	TNHH	500.000	100%
6	Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ	CTCP	42.000	51%
7	Công ty CP Quản lý và phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	CTCP	55.000	75%

Các công ty nắm giữ dưới 50% vốn

STT	Tên công ty	Loại hình	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP	CTCP	350.000	8,25%
2	Công ty CP Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	CTCP	1.800.000	15%
3	Công ty CP Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu khí	CTCP	36.000	10%
4	Công ty CP Thể thao văn hóa Dầu khí	CTCP	10.000	10%
5	Công ty CP Phát triển đô thị Dầu khí	CTCP	100.000	20%
6	Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam	CTCP	25.000	19%

Tình hình tài chính năm 2010 của các công ty có liên quan

STT	Tên công ty	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	Tỷ suất LNTT/vốn điều lệ
I. Các công ty con					
1	Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	65.000	1.096.216	24.426	37,58%
2	Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	80.000	1.451.228	28.630	35,79%
3	Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	80.000	1.388.294	40.585	50,73%
4	Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	100.000	1.883.391	50.067	50,07%
5	Công ty TNHH MTV Thương mại – Dịch vụ Phân bón và Hóa chất Dầu khí	500.000	1.562.954	48.513	9,70%
6	Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ	42.000	86.493	6.009	14,30%
7	Công ty CP Quản lý và phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	55.000	38.525	7.610	13,84%
II. Các công ty liên kết					
1	Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP	350.000	1.750.000	80.000	22,86%
2	Công ty CP Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PV TEX) (*)	1.800.000	100.000	80.000	4,44%
3	Công ty CP Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu khí	36.000	99.000	6.700	18,61%
4	Công ty CP Thể thao văn hóa Dầu khí	10.000	50.200	300	3,00%
5	Công ty CP Phát triển đô thị Dầu khí	100.000	492.000	30.160	30,16%
6	Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam (PSP) (*)	25.000	200	-800	

Ghi chú: (*) Các Công ty PV TEX, PSP đang trong giai đoạn triển khai dự án đầu tư, kết quả tình hình tài chính chưa phản ánh về hoạt động sản xuất kinh doanh chính.



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN TÁI CẤU TRÚC CÁC CÔNG TY CON

Thực hiện chủ trương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên ngày 05/04/2008, bước tiếp theo của quá trình chuyển đổi thành Tổng công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - công ty con, Tổng công ty đã triển khai tái cấu trúc các công ty TNHH MTV trực thuộc theo hướng chuyển đổi thành Công ty cổ phần.

Tính đến hết tháng 01/2011, 4 Công ty con đã hoàn thành chuyển đổi thành Công ty cổ phần, tăng vốn điều lệ và Tổng công ty nắm giữ cổ phần với tỷ lệ 75%, phần còn lại là các cổ đông gồm người lao động và các đại lý, doanh nghiệp có mối quan hệ chiến lược trong hoạt động kinh doanh phân phối phân bón, hóa chất của các Công ty.

Trước yêu cầu mới về quy mô vốn và nhiệm vụ thực hiện hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu đảm bảo hiệu quả, Tổng công ty đã tiến hành giải thể Công ty TNHH MTV Thương mại – dịch vụ Phân bón và Hóa chất Dầu khí và thu về toàn bộ số vốn đầu tư ban đầu. Thay vào đó, Tổng công ty thành lập Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh để tiếp tục thực hiện một số nhiệm vụ kinh doanh xuất nhập khẩu phân bón, hóa chất trong năm 2011. Đến năm 2012, trước những thay đổi lớn về cung cầu của thị trường phân



bón trong nước, Tổng công ty sẽ xem xét hướng tái thành lập doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu và dịch vụ với quy mô phù hợp.

Năm 2011, Tổng công ty sẽ thực hiện thoái vốn góp tại Công ty CP Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu khí khi Công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu.



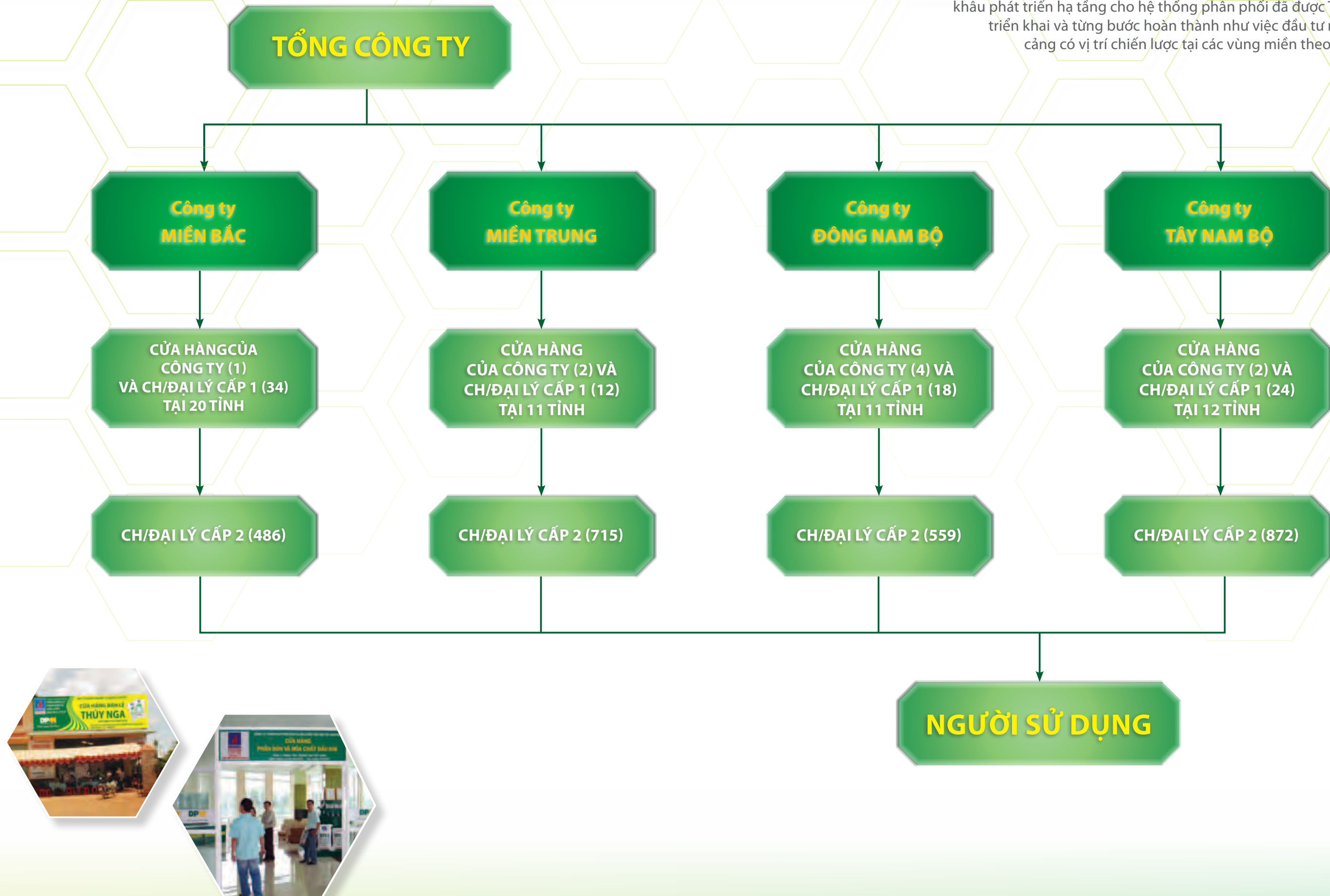
Các công ty con đã thực hiện tái cấu trúc và chuyển đổi thành công ty cổ phần:

STT	Tên công ty	Loại hình	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	CTCP	120.000	75%
2	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	CTCP	100.000	75%
3	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	CTCP	125.000	75%
4	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	CTCP	170.000	75%

Các Công ty cổ phần này sẽ niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán khi có đủ điều kiện và vào thời điểm phù hợp.



Cùng với việc xây dựng và phát triển hệ thống phân phối, khâu phát triển hạ tầng cho hệ thống phân phối đã được Tổng công ty triển khai và từng bước hoàn thành như việc đầu tư mua các kho, cảng có vị trí chiến lược tại các vùng miền theo quy hoạch...



Quan hệ cộng đồng

Đối với Tổng công ty, các chương trình an sinh xã hội, hoạt động cộng đồng không đơn thuần là các khoản chi phí mà là sự đầu tư nhằm quảng bá hình ảnh và mang lại lợi ích thiết thực cho bà con nông dân - những người sử dụng sản phẩm của Tổng công ty.





Ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng công ty cũng rất chú trọng tới các hoạt động đoàn thể trong nội bộ Tổng công ty và các hoạt động xã hội, cộng đồng.

Tỷ lệ người lao động trong độ tuổi thanh niên của Tổng công ty lên tới 70%, do đó phong trào thanh niên ở đây diễn ra rất sôi động. Hàng năm, tổ chức Đoàn thanh niên của Tổng công ty phối hợp với Công đoàn tiến hành hàng chục hoạt động văn nghệ, thể thao, thu hút sự tham gia hào hứng của hàng trăm công nhân viên trẻ tuổi. Những hoạt động này giúp cuộc sống tinh thần của người lao động thêm phong phú, đồng thời gia tăng quan hệ gắn bó, đoàn kết trong Tổng công ty. Đây là yếu tố hết sức quan trọng trong việc duy trì và phát triển nguồn nhân lực hùng hậu của Tổng công ty.



Tổng công ty tiếp tục thể hiện trách nhiệm xã hội cao thông qua các hoạt động an sinh xã hội và cộng đồng. Đối với Tổng công ty, các hoạt động này vừa là truyền thống văn hóa vừa phù hợp với đạo lý tốt đẹp của dân tộc ta, vừa là sự đầu tư cho hình ảnh của Tổng công ty trên phạm vi cả nước và quốc tế, nhằm củng cố mối quan hệ với khách hàng, người tiêu dùng, các cơ quan, tổ chức xã hội ở trung ương và địa phương. Các chương trình luôn được thực hiện với sự phối hợp chặt chẽ cùng các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể để đảm bảo minh bạch, đúng mục tiêu, đúng đối tượng, tuân thủ quy định về tài chính và mang lại hiệu quả cao nhất.



Trong năm 2010 Tổng công ty đã thực hiện các chương trình tiêu biểu sau:

1. Đồng hành cùng bà con nông dân: hướng dẫn sử dụng phân bón, kỹ thuật nông nghiệp, cung cấp thông tin nông nghiệp cho nông dân như thông tin thời tiết sâu bệnh, giá cả nông sản...
2. Bán hàng với giá ưu đãi trực tiếp cho nông dân các tỉnh bị thiên tai.
3. Hỗ trợ người nghèo: tặng nhà tình nghĩa, cấp học bổng cho học sinh nghèo, tặng quà Tết, xây trường học, trạm y tế...
4. Hướng dẫn kỹ thuật, tặng phân bón cho nông dân nghèo của Campuchia, hỗ trợ gia đình các nạn nhân trong vụ giẫm đạp trên cầu Đào Kim Cương, Phnom Penh.

Những hoạt động an sinh xã hội và cộng đồng này đã nhận được sự ủng hộ và đánh giá rất cao của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội cũng như người dân, góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế của Tổng công ty cả trong và ngoài nước.

Báo cáo Bền vững

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến sâu khâu sau (downstream) của ngành dầu khí – sản xuất thành phẩm từ nguyên liệu do khâu đầu (upstream) cung cấp. Trong phạm vi khả năng của mình, Tổng công ty đã có các hoạt động cụ thể hướng tới mục tiêu bền vững lâu dài.

ISO 14001

Do Det Norske Veritas - một trong những tổ chức đánh giá chứng nhận uy tín nhất trên thế giới cấp.

ERP

Hoạch định tài nguyên doanh nghiệp

OHSAS18001

Do Det Norske Veritas - một trong những tổ chức đánh giá chứng nhận uy tín nhất trên thế giới cấp.

Trong lĩnh vực phân bón và hóa chất, nhiệm vụ phát triển bền vững đứng trước các vấn đề sau:

1.

Khai thác tài nguyên để cung cấp nguyên liệu đầu vào cho sản xuất: nguyên liệu đầu vào quan trọng nhất để sản xuất urê là khí tự nhiên hoặc than đá. Khí tự nhiên và than đá là nguyên liệu hóa thạch không tái tạo, do đó việc khai thác phải được cân nhắc ở mức độ hợp lý, đồng thời công nghệ khai thác phải được cải tiến thường xuyên nhằm đạt hiệu quả khai thác cao nhất.

2.

Vận chuyển nguyên liệu từ nơi khai thác tới nơi sản xuất: do hai nơi này thường cách xa nhau nên việc vận chuyển khí không chỉ làm tăng chi phí, mà còn có ảnh hưởng tiêu cực tới mục tiêu bền vững.

3.

Quá trình sản xuất đòi hỏi năng lượng, đồng thời xả ra khí quyển một lượng khí thải CO₂, ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường.

4.

Việc vận chuyển thành phẩm từ nhà máy tới nơi tiêu thụ cuối cùng (đồng ruộng, nông trường...) vừa làm tăng chi phí vừa ảnh hưởng tới môi trường.

5.

Việc sử dụng phân bón cho cây cối cũng ảnh hưởng tới đất đai, nguồn nước.

Tổng công ty ý thức hết sức sâu sắc về vấn đề phát triển bền vững và đã có những nỗ lực đáng kể trong lĩnh vực này.

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến sâu khâu sau (downstream) của ngành dầu khí – sản xuất thành phẩm từ nguyên liệu do khâu đầu (upstream) cung cấp. Trong phạm vi khả năng của mình, Tổng công ty đã có các hoạt động cụ thể hướng tới mục tiêu bền vững lâu dài.

Trong giai đoạn sản xuất: Tổng công ty sử dụng công nghệ tiên tiến bậc nhất, giúp sử dụng hiệu quả nhất các nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là khí tự nhiên, đồng thời hạn chế tối đa lượng khí CO₂ thải ra bên ngoài. Tổng công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống thu hồi CO₂ từ khói thải công suất 60.000 tấn/năm, nhờ đó giảm đáng kể lượng khí CO₂ thải vào bầu khí quyển, đồng thời tăng công suất của Nhà máy Đạm Phú Mỹ từ 740.000 tấn lên 800.000 tấn/năm. Sau khi dự án đi vào hoạt động, đã có một số đơn vị trong và ngoài nước liên hệ đặt vấn đề mua lại license.

- Hệ thống nhà xưởng sản xuất được thiết kế hợp lý, thông thoáng, đảm bảo đủ ánh sáng và không khí, giúp hạn chế tối đa năng lượng dùng cho chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ mà vẫn đảm bảo điều kiện làm việc tốt cho người lao động.
- Giai đoạn phân phối: Tổng công ty thiết lập mạng lưới phân phối rộng khắp, hợp lý, tùy theo nhu cầu của từng vùng trong từng thời điểm, nhờ đó đã hợp lý hóa quá trình phân phối, giảm tối đa chi phí vận chuyển, lưu thông, cũng tức là giảm thiểu ảnh hưởng của quá trình vận chuyển tới môi trường.
- Giai đoạn sử dụng phân bón cho cây trồng: Tổng công ty không nhằm tới mục đích bán được hàng càng nhiều càng tốt, mà luôn tuyên truyền, hướng dẫn cho bà con nông dân cách thức sử dụng phân bón tiết kiệm nhất, hiệu quả nhất. Phòng dịch vụ kỹ thuật của Tổng công ty phối hợp với cán bộ khuyến nông tổ chức các cuộc hội thảo, hướng dẫn kỹ thuật bón phân, tổ chức trình diễn cách thức bón phân đúng cách trên các thửa ruộng mẫu. Nhờ đó ý thức và kỹ thuật canh tác của bà con nông dân đã được nâng cao một mức, vừa tiết kiệm chi phí phân bón, vừa mang lại



năng suất cao nhất, vừa hạn chế tối đa lượng phân bón dư thừa vốn có ảnh hưởng tiêu cực tới chất lượng đất cũng như nguồn nước.

Ngoài ra, trong mọi hoạt động của mình Tổng công ty đều ý thức triệt để tiết kiệm mọi tiêu hao nhân lực, năng lượng, vật chất, nhờ vào hệ thống quản trị tiên tiến dựa trên tiêu chuẩn ISO. Chỉ riêng việc sử dụng hệ thống công văn điện tử đã góp phần tiết kiệm mỗi năm hàng tấn giấy, mực, hàng ngàn giờ lao động của nhân viên văn thư. Tổng công ty không dừng ở đó mà đang tiếp tục triển khai hàng loạt dự án nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả quản trị và kinh doanh để thực sự là một doanh nghiệp bền vững.



Báo cáo tài chính *Hợp nhất*

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (78-79)

Báo cáo Ban Tổng Giám đốc (80-81)

Báo cáo Kiểm toán độc lập (82-83)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (84)

Báo cáo kết quả hoạt động

kinh doanh hợp nhất (85)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (86)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (87-103)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí – Công ty Cổ phần và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Minh Tiến	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2011)
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2011)
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó chủ tịch (bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2011)
Ông Cao Hoài Dương	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2011)
Ông Bùi Quang Hưng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hiền	Ủy viên
Ông Phạm Đăng Nam	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2011)
Ông Nguyễn Đức Hòa	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2010)
Ông Phan Đình Đức	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2010)
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Chu Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Tông

Phó Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 2 năm 2011

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo kiểm toán

Số: 131/2011/Deloitte-AUDHCM-RE

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (“báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần và các công ty con (“Tổng Công ty”), từ trang 4 đến trang 28. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KIỂM TOÁN VIÊN

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

CƠ SỞ CỦA Ý KIẾN

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý KIẾN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN/HN

Các thuyết minh kèm theo từ trang 86 đến trang 103 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.825.585.314.646	3.866.941.356.360
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.748.457.003.885	2.906.125.166.959
1. Tiền	111		241.082.663.003	170.207.749.959
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.507.374.340.882	2.735.917.417.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		58.500.000.000	115.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	58.500.000.000	115.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		249.941.896.115	191.371.460.791
1. Phải thu của khách hàng	131		81.200.353.415	41.335.062.795
2. Trả trước cho người bán	132		105.082.543.350	83.320.019.604
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		1.097.519.533	-
4. Các khoản phải thu khác	135		71.898.321.766	66.838.424.756
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(9.336.841.949)	(122.046.364)
IV. Hàng tồn kho	140	7	671.348.990.597	569.253.465.178
1. Hàng tồn kho	141		674.774.862.030	569.253.465.178
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.425.871.433)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		97.337.424.049	85.191.263.432
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.434.197.470	6.202.490.267
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		69.575.598.716	50.576.158.960
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	128.316.487
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		16.327.627.863	28.284.297.718
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.592.991.072.194	2.484.260.740.715
I. Tài sản cố định	220		1.719.011.531.824	1.723.752.796.976
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	899.119.226.532	933.331.955.781
- Nguyên giá	222		6.304.085.138.466	5.674.037.648.308
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.404.965.911.934)	(4.740.705.692.527)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	96.067.612.181	85.445.544.216
- Nguyên giá	228		267.944.208.238	234.588.206.555
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(171.876.596.057)	(149.142.662.339)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	723.824.693.111	704.975.296.979
II. Bất động sản đầu tư	240		174.124.237.914	-
- Nguyên giá	241		174.808.376.037	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(684.138.123)	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		370.702.872.939	453.146.885.327
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	27.111.515.018	33.651.833.567
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	343.591.357.921	419.495.051.760
IV. Tài sản dài hạn khác	260		329.152.429.517	307.361.058.412
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	312.947.856.747	303.975.507.545
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		15.310.889.844	2.424.578.256
3. Tài sản dài hạn khác	268		893.682.926	960.972.611
TỔNG TÀI SẢN	270		7.418.576.386.840	6.351.202.097.075

Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 18 tháng 2 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Phạm Văn Tân
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0401/KTV

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các thuyết minh kèm theo từ trang 86 đến trang 103 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 01-DN/HN

				Đơn vị: đồng	
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.188.354.989.107	841.824.089.770	
I. Nợ ngắn hạn	310		924.057.613.623	606.701.607.807	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	85.620.583.998	28.046.846.375	
2. Phải trả cho người bán	312		416.918.064.870	212.392.865.643	
3. Người mua trả tiền trước	313		50.107.014.681	35.340.727.884	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	82.058.550.255	119.207.426.978	
5. Phải trả người lao động	315		52.998.893.642	41.033.955.112	
6. Chi phí phải trả	316	17	187.269.781.984	102.120.131.696	
7. Phải trả nội bộ	317		6.897.966.116	5.842.233.321	
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	15.465.930.518	15.216.596.433	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		26.720.827.559	47.500.824.365	
II. Nợ dài hạn	330		264.297.375.484	235.122.481.963	
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.754.838.195	1.302.414.109	
2. Vay và nợ dài hạn	334	19	246.087.577.105	216.974.174.175	
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		10.289.578.433	10.424.216.360	
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		6.045.381.751	6.421.677.319	
5. Quỹ khoa học và phát triển công nghệ	339		120.000.000	-	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.193.758.946.548	5.487.903.530.694	
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	6.193.758.946.548	5.487.903.530.694	
1. Vốn điều lệ	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000	
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		257.121.998	209.233.309	
3. Cổ phiếu quỹ	414		(83.277.130.627)	(43.296.089.299)	
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(3.530.148.052)	(1.915.614.125)	
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		849.893.623.484	302.757.044.494	
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		341.712.214.445	201.745.548.833	
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		342.595.703	229.923.506	
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.288.360.669.597	1.228.173.483.976	
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	21	36.462.451.185	21.474.476.611	
TỔNG NGUỒN VỐN	440		7.418.576.386.840	6.351.202.097.075	



Nguyễn Văn Tòng
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 2 năm 2011



Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các thuyết minh kèm theo từ trang 86 đến trang 103 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 02-DN/HN

				Đơn vị: đồng	
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		6.648.640.613.834	6.673.931.326.245	
2. Các khoản giảm trừ	02		29.856.615.416	43.870.483.498	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	22	6.618.783.998.418	6.630.060.842.747	
4. Giá vốn hàng bán	11	22	4.236.094.827.903	4.644.816.371.488	
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.382.689.170.515	1.985.244.471.259	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	343.091.652.535	181.197.706.742	
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	23	81.034.462.821	80.671.774.691	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.349.710.449	8.315.661.236	
8. Chi phí bán hàng	24		331.845.387.469	293.839.472.451	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		409.858.160.584	285.306.226.584	
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		1.903.042.812.176	1.506.624.704.275	
11. Thu nhập khác	31		36.976.544.576	19.592.149.261	
12. Chi phí khác	32		23.189.419.751	9.165.362.392	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		13.787.124.825	10.426.786.869	
14. Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	45		4.811.771.816	2.651.833.567	
15. Lợi nhuận trước thuế	50		1.921.641.708.817	1.519.703.324.711	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	227.514.762.210	163.847.740.850	
17. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52		12.742.158.051	4.571.701.620	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.706.869.104.658	1.351.283.882.241	
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	21	3.693.114.240	2.979.759.801	
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		1.703.175.990.418	1.348.304.122.440	
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	4.499	3.557	



Nguyễn Văn Tòng
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 2 năm 2011



Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các thuyết minh kèm theo từ trang 86 đến trang 103 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 03-DN/HN

CHỈ TIÊU		Mã số	2010	2009
Đơn vị: đồng				
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	1.921.641.708.817	1.519.703.324.711
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			
	Khấu hao tài sản cố định	02	687.289.914.263	1.038.124.867.525
	Các khoản dự phòng	03	12.640.667.018	(633.652.535.683)
	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	10.065.177.076	3.440.803.744
	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(336.133.158.164)	(173.124.399.249)
	Chi phí lãi vay	06	8.349.710.449	15.593.584.232
3.	Lưu chuyển tiền thuần trước thay đổi vốn lưu động	08	2.303.854.019.459	1.770.085.645.280
	Giảm các khoản phải thu	09	682.311.075.305	395.448.673.742
	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(103.524.001.292)	1.175.829.891.837
	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	422.034.550.219	(117.518.950.081)
	(Tăng)/giảm chi phí trả trước và tài sản khác	12	(11.134.545.308)	65.189.928.397
	Lãi vay đã trả	13	(741.113.951)	(15.568.240.432)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(263.335.917.897)	(50.936.978.402)
	Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(88.261.697.835)	(67.364.056.704)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.941.202.368.700	3.155.165.913.637
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(992.475.769.486)	(759.341.248.206)
2.	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	12.295.946.922	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(135.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi các khoản đầu tư	24	-	30.000.000.000
5.	Chi đầu tư dài hạn	25	(616.059.797.280)	(253.761.002.553)
6.	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	330.800.873.221	155.537.789.732
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.265.438.746.623)	(962.564.461.027)
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.	Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(39.981.041.328)	(8.243.245.724)
2.	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	126.129.516.996	1.140.999.781.645
3.	Trả nợ gốc vay	34	(49.507.553.519)	(906.489.731.027)
4.	Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(870.072.707.300)	(453.518.327.036)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(833.431.785.151)	(227.251.522.142)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	842.331.836.926	1.965.349.930.468
	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	2.906.125.166.959	942.714.032.012
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	(1.938.795.521)
	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	3.748.457.003.885	2.906.125.166.959

Tiền chi để mua tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 44.141.948.337 đồng là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định mà chưa được thanh toán và bao gồm 105.395.594.791 đồng là giá trị tài sản mua năm trước nhưng thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Nguyen Van Tong
Pho Tong Giam doc
Ngày 18 tháng 2 năm 2011

Huynh Kim Nhan
Ke toan truong

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1 THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi ngày 15 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2008. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 5 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1.744 người (31/12/2009: 1.666 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) bao gồm sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác; các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Sản xuất kinh doanh điện; Kinh doanh bất động sản, mua bán hàng nông lâm sản, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản và đào tạo nghề.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3 ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 31 tháng 12 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng các hướng dẫn tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC này vào việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Việc áp dụng hướng dẫn kế toán mới ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

- Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này. Chi tiết như sau:

Tài khoản ảnh hưởng	Mã số	Trước khi trình bày lại VNĐ	Sau khi trình bày lại VNĐ	Chênh lệch VNĐ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
NỢ PHẢI TRẢ				
Người mua trả tiền trước	313	41.762.405.203	35.340.727.884	6.421.677.319
Doanh thu chưa thực hiện	338	-	6.421.677.319	(6.421.677.319)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	-	47.500.824.365	(47.500.824.365)
NGUỒN VỐN				
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	47.500.824.365	-	47.500.824.365

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

3ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (tiếp theo)

- Ghi nhận giá trị đánh giá lại tài sản của các công ty con theo quyết định của Hội đồng quản trị Tổng Công ty trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như sau:

Tài khoản ảnh hưởng	Mã số	Trước khi đánh giá lại tài sản	Sau khi đánh giá lại tài sản	Chênh lệch
		VNĐ	VNĐ	VNĐ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
TÀI SẢN				
Tiền	111	241.082.662.625	241.082.663.003	378
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.400.300.875	11.434.197.470	33.896.595
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	222	6.301.544.930.754	6.304.085.138.466	2.540.207.712
Hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình	223	(5.402.647.475.731)	(5.404.965.911.934)	(2.318.436.203)
Nguyên giá tài sản cố định vô hình	228	266.729.844.238	267.944.208.238	1.214.364.000
Chi phí trả trước dài hạn	261	312.007.447.678	312.947.856.747	940.409.069
NỢ PHẢI TRẢ				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	81.759.530.867	82.058.550.255	299.019.388
NGUỒN VỐN				
Lợi nhuận chưa phân phối	420	1.286.249.247.434	1.288.360.669.597	2.111.422.163
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT				
Thu nhập khác	31	33.906.651.698	36.976.544.576	3.069.892.878
Chi phí khác	32	22.529.968.424	23.189.419.751	659.451.327
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	227.215.742.822	227.514.762.210	299.019.388

4TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp được lập trên cơ sở nhất hợp nhất báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty con nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con thống nhất.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

4TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền ngoại trừ giá gốc nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Mẫu B 09-DN/HN

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với các tài sản nhận bàn giao khi cổ phần hóa, nguyên giá là giá trị đánh giá lại.

Sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được xác định theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại. Trường hợp tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại phải được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 (thay thế Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003) do Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 như sau:

	Năm 2010	Năm 2009
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 20	6 - 20
Máy móc, thiết bị	3 - 6	3 - 6
Phương tiện vận tải	6	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền sáng chế, giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Tổng Công ty trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng đối với quyền sử dụng đất có thời hạn theo thời hạn sử dụng đất và không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị công trình Siêu thị và Cao ốc văn phòng ở Cà Mau do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Năm
Quyền sử dụng đất	49
Công trình kiến trúc	25

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất, chi phí lợi thế kinh doanh và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với số tiền 531.700.794.477 đồng và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 6 năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2007. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, việc phân bổ lợi thế kinh doanh trong thời gian 6 năm là phù hợp quy định về tài chính đối với doanh nghiệp cổ phần hóa của Nhà nước, cũng như phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ có khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn sử dụng từ một năm trở lên và chi phí bảo hiểm tài sản. Chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ theo thời gian thực tế mua bảo hiểm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Mẫu B 09-DN/HN

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn, lãi nhận được từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và chênh lệch tỷ giá phát sinh được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ hoạt động tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	1.806.005.513	1.858.729.138
Tiền gửi ngân hàng	239.276.657.490	168.349.020.821
Các khoản tương đương tiền	3.507.374.340.882	2.735.917.417.000
	3.748.457.003.885	2.906.125.166.959

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 10,5%/năm đến 14%/năm.

6 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 10%/năm đến 11,2%/năm.

7 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Hàng mua đang đi trên đường	78.505.265.382	25.998.134.017
Nguyên liệu, vật liệu	242.068.830.163	317.484.100.647
Công cụ, dụng cụ	2.189.351.418	1.239.417.353
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.199.580.754	11.543.533.865
Thành phẩm	91.042.176.910	76.601.082.191
Hàng hóa	246.769.657.403	136.387.197.105
	674.774.862.030	569.253.465.178
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.425.871.433)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	671.348.990.597	569.253.465.178

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	814.091.718.475	4.778.785.271.937	58.333.056.647	22.827.601.249	5.674.037.648.308
Tăng do mua sắm	1.150.483.754	914.972.703	13.461.344.774	14.143.948.386	29.670.749.617
XDCB hoàn thành	71.843.812.344	514.809.813.706	4.456.768.091	8.764.834.520	599.875.228.661
Tăng/(giảm) do đánh giá lại	2.446.130.714	-	258.394.708	(73.310.356)	2.631.215.066
Thanh lý trong năm	-	-	(595.655.182)	(1.534.048.004)	(2.129.703.186)
Tại ngày 31/12/2010	889.532.145.287	5.294.510.058.346	75.913.909.038	44.129.025.795	6.304.085.138.466
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2010	446.568.310.108	4.239.916.812.914	43.912.359.626	10.308.209.879	4.740.705.692.527
Khấu hao trong năm	102.938.314.489	543.110.342.757	9.736.854.232	8.075.080.944	663.860.592.422
Tăng/ (giảm) do đánh giá lại	2.967.888.488	-	(22.829.488)	(535.615.443)	2.409.443.557
Thanh lý trong năm	-	-	(481.879.374)	(1.527.937.198)	(2.009.816.572)
Tại ngày 31/12/2010	552.474.513.085	4.783.027.155.671	53.144.504.996	16.319.738.182	5.404.965.911.934
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	337.057.632.202	511.482.902.675	22.769.404.042	27.809.287.613	899.119.226.532
Tại ngày 31/12/2009	367.523.408.367	538.868.459.023	14.420.697.021	12.519.391.370	933.331.955.781

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 5.455.516.599.005 đồng (31/12/2009: 586.204.957.859 đồng).

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền sáng chế VNĐ	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm VNĐ	Tài sản cố định vô hình khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	159.117.493.074	57.715.000.000	8.217.395.449	9.538.318.032	234.588.206.555
Mua trong năm	-	-	9.094.055.400	-	9.094.055.400
XDCB hoàn thành	-	34.086.142.987	1.102.449.920	-	35.188.592.907
Tăng do đánh giá lại TS	-	1.214.364.000	-	-	1.214.364.000
Thanh lý trong năm	-	(12.129.760.624)	(11.250.000)	-	(12.141.010.624)
Tại ngày 31/12/2010	159.117.493.074	80.885.746.363	18.402.650.769	9.538.318.032	267.944.208.238
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2010	139.327.696.854	-	1.462.949.288	8.352.016.197	149.142.662.339
Khấu hao trong năm	19.789.796.220	-	1.769.085.663	1.186.301.835	22.745.183.718
Thanh lý trong năm	-	-	(11.250.000)	-	(11.250.000)
Tại ngày 31/12/2010	159.117.493.074	-	3.220.784.951	9.538.318.032	171.876.596.057
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	-	80.885.746.363	15.181.865.818	-	96.067.612.181
Tại ngày 31/12/2009	19.789.796.220	57.715.000.000	6.754.446.161	1.186.301.835	85.445.544.216

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	704.975.296.979	163.619.037.312
Tăng trong năm	710.842.892.189	843.854.198.628
Phân loại lại	182.192.808.839	-
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(599.875.228.661)	(302.497.938.961)
Kết chuyển sang tài sản vô hình	(35.188.592.907)	-
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	(174.808.376.037)	-
Giảm khác	(64.314.107.291)	-
Số dư cuối năm	723.824.693.111	704.975.296.979

Theo Quyết định số 033/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 3 năm 2008, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thu hồi CO2 từ khói thải Primary Reformer nâng công suất Nhà máy Đạm Phú Mỹ từ 740.000 tấn lên 800.000 tấn urê/năm với tổng mức đầu tư là 368.757.439.000 đồng và đã được điều chỉnh là 606.869.000.000 đồng theo Quyết định số 164/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 10 năm 2008. Ngày 15 tháng 9 năm 2010, công trình Hệ thống thu hồi CO2 từ khói thải Primary Reformer đã hoàn thành và đưa vào hoạt động. Tổng giá trị công trình quyết toán và đã được kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư là 504.561.492.471 đồng.

Theo Quyết định số 138/NQ- DKVN ngày 7 tháng 1 năm 2011 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, Tổng Công ty đã quyết định tạm dừng các công tác chuẩn bị đầu tư Dự án sản xuất phân bón DAP tại Ma-rốc do hiệu quả kinh tế của Dự án không khả thi. Do vậy, toàn bộ chi phí đã chi trả cho các hợp đồng đã ký kết đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 để thực hiện dự án DAP Marốc là 36.182.666.387 đồng đã được ghi nhận chi phí quản lý trong năm 2010.

Theo hợp đồng Hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác số 107/HĐHTXD-KT ngày 29 tháng 6 năm 2009, Tổng Công ty cùng với các bên là Tổng Công ty Cổ phần Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Dầu Việt Nam góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án “Tòa nhà văn phòng”, tạo ra một tài sản đồng kiểm soát giữa các bên, tại địa điểm 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, thành phố Hồ Chí Minh. Theo hợp đồng chuyển nhượng số 40/2010/HĐCN/PVFC Land-PVFC-PVFCCo- PV Oil ngày 12 tháng 8 năm 2010, Tổng Công ty Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam đã chuyển nhượng phần vốn góp cho Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty và Tổng Công ty Dầu Việt Nam cùng hợp tác đầu tư vào dự án này theo tỷ lệ lần lượt là 75% và 25% sau khi chuyển nhượng. Tổng giá trị đầu tư của dự án khoảng 880,23 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã góp vào dự án là 432.199.782.107 đồng.

11 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ Phân bón và Hóa	Tp.Hồ Chí Minh	100%	Kinh doanh phân bón và hóa chất chất dầu khí
2	Công ty Cổ phần Phân bón hóa chất dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	100%	Kinh doanh phân bón và hóa chất
3	Công ty Cổ phần Phân bón hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ	Tp. Cần Thơ	100%	Kinh doanh phân bón và hóa chất
4	Công ty TNHH Phân bón hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	Tp.Hồ Chí Minh	100%	Kinh doanh phân bón và hóa chất
5	Công ty TNHH MTV Phân bón hóa chất dầu khí Miền Bắc	Tp. Hà Nội	100%	Kinh doanh phân bón và hóa chất
6	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	51%	Sản xuất bao bì
7	Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Tp.Hồ Chí Minh	75%	Đầu tư kinh doanh bất động sản

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

11 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (tiếp theo)

Theo Nghị quyết số 119/NQ- PBHC ngày 24 tháng 6 năm 2010 và Hợp đồng số 256/2010/PVGAS /TC- PVFCCo/D4 ngày 26 tháng 11 năm 2010, Tổng Công ty mua thêm số cổ phần Công ty cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí miền Nam từ Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Khí Việt Nam. Theo đó, Tổng Công ty sở hữu Công ty cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí miền Nam tương ứng với tỷ lệ đầu tư là 60% kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2010 và tăng lên tỷ lệ 75% từ ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Theo nghị quyết số 1929/NQ-DKVN ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí - Công ty cổ phần, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển đổi các công ty con thành công ty cổ phần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất dầu khí Miền Trung và Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ đã chuyển đổi thành công ty cổ phần; Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất dầu khí Đồng Nam Bộ và Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất dầu khí Miền Bắc đang thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh chuyển đổi thành công ty cổ phần. Theo đó, giá trị chênh lệch do đánh giá lại tài sản của các công ty này đã được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty như đã trình bày tại thuyết minh số 3.

12 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Đầu tư vào các công ty liên kết	20.000.000.000	31.000.000.000
Phần lợi nhuận được chia	7.111.515.018	2.651.833.567
	27.111.515.018	33.651.833.567

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty	Thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu vốn (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính	Giá trị tại ngày 31/12/2010
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Cà Mau)	Tp. Cà Mau	20%	20%	Thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp	27.111.515.018
					27.111.515.018

13 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Góp vốn vào Dự án 43 Mạc Đinh Chi	-	182.192.808.839
Góp vốn vào Công ty CP Hóa dầu và Xơ sợi tổng hợp Petrovietnam - Vinatex Đình Vũ	270.000.000.000	215.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	73.591.357.921	22.302.242.921
	343.591.357.921	419.495.051.760

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư dài hạn và không có khoản đầu tư nào giảm giá do vậy Tổng Công ty không phải trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

14 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Trả trước tiền thuê đất	6.180.076.651	12.195.594.213
Lợi thế kinh doanh	177.233.598.148	265.850.397.235
Chi phí trả trước khác	129.534.181.948	25.929.516.097
	312.947.856.747	303.975.507.545

- Tiền thuê đất trả trước phản ánh số tiền thuê 634.595,35 m2 đất được trả trước cho Công ty Đầu tư và Khai thác Hạ tầng KCN Đồng Xuyên và Phú Mỹ 1 với thời gian thuê là 17 năm từ ngày 3 tháng 9 năm 2004.
- Chi phí trả trước khác bao gồm các loại vật tư, phụ tùng thay thế đang sử dụng ở Nhà Máy Đạm Phú Mỹ được phân bổ trong vòng 6 năm với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 77.125.097.319 đồng; và số tiền còn lại chủ yếu là các chi phí đào tạo học viên cho nhà máy đạm Cà Mau, công cụ dụng cụ chờ phân bổ và tiền thuê đã trả trước theo các hợp đồng thuê.

15 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
MHB - Chi nhánh Sài Gòn	-	18.357.670.000
Vietcombank - Chi nhánh Vũng Tàu	3.591.391.630	9.689.176.375
Vay dài hạn đến hạn trả	82.029.192.368	
	85.620.583.998	28.046.846.375

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank), Chi nhánh Vũng Tàu. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ với số tiền tối đa là 15.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu sản xuất bao bì các loại. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất tọa lạc tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu theo hợp đồng thế chấp tài sản số HĐTC/2009/VCBVT-ĐPM ngày 28 tháng 4 năm 2009 và chịu lãi suất cho vay được xác định và ghi trên giấy nhận nợ tại ngày rút vốn theo lãi suất công bố của Vietcombank, Chi nhánh Vũng Tàu và không thay đổi trong suốt thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ.

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	2.529.249.447	437.612.132
Thuế thu nhập doanh nghiệp	77.564.627.561	117.495.931.749
Thuế thu nhập cá nhân	1.964.673.247	1.250.884.602
Thuế, phí, lệ phí khác	-	22.998.495
	82.058.550.255	119.207.426.978

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Mẫu B 09-DN/HN

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	147.231.991.964	64.864.112.407
Chi phí an sinh xã hội	11.092.663.603	10.886.575.000
Chi phí phải trả mua kho Nghi Sơn	-	5.909.090.909
Khác	28.945.126.417	20.460.353.380
	187.269.781.984	102.120.131.696

Trong năm 2010, Tổng Công ty đã trích trước 147.231.991.964 đồng cho chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy Đạm Phú Mỹ trong năm 2011.

18 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Phải trả cổ tức	8.432.688.664	5.559.975.964
Phải trả phải nộp khác	7.033.241.854	9.656.620.469
	15.465.930.518	15.216.596.433

19 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Khoản vay của Tổng Công ty theo Hợp đồng tín dụng số 60095579 ngày 29 tháng 5 năm 2009 với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu và Ngân hàng TMCP Á Châu với số tiền vay là 23.905.925 Đô la Mỹ, trong đó Ngân hàng TMCP Á Châu cho vay 7.200.000 Đô la Mỹ, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí cho vay 16.705.925 Đô la Mỹ. Mục đích của khoản vay là thanh toán chi phí đầu tư Hệ thống thu hồi CO₂ từ khói thải Primary Reformer nâng công suất Nhà máy Đạm Phú Mỹ từ 740.000 tấn lên 800.000 tấn urê /năm. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn là 24 tháng, thời gian trả nợ gốc là 96 tháng kể từ khi kết thúc thời gian ân hạn.

Hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất CO₂ hình thành qua đầu tư dự án theo các điều khoản của Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay số SGD.TK.01140509 ngày 19 tháng 5 năm 2009 và Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai số SGD.CCO.01140509 ngày 19 tháng 5 năm 2009. Lãi suất vay phụ thuộc đồng tiền giải ngân và được xác định trên cơ sở không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam hoặc lãi suất cho vay ưu đãi bình quân của Ngân hàng TMCP Á Châu và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư nợ vay của hợp đồng này là 17.331.332 Đô la Mỹ tương đương 328.116.769.473 đồng, trong đó, Ngân hàng thương mại Á Châu là 5.199.302 Đô la Mỹ tương đương 98.433.190.955 đồng và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí là 12.132.029 Đô la Mỹ tương đương 229.683.578.518 đồng.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	82.029.192.368	-
Trong năm thứ hai	82.029.192.368	13.560.885.886
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	164.058.384.737	81.365.315.316
Sau năm năm	-	122.047.972.973
	328.116.769.473	216.974.174.175
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	82.029.192.368	-
Số phải trả sau 12 tháng	246.087.577.105	216.974.174.175

Mẫu B 09-DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

20 VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Số dư tại 1/1/2009	3.800.000.000.000	-	(35.052.843.575)	87.293.327.821	58.195.551.881	-	-	777.342.267.722	4.687.778.303.849
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	1.348.304.122.440	1.348.304.122.440
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(8.243.245.724)	-	-	-	-	-	(8.243.245.724)
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	215.902.043.854	143.549.996.952	-	229.923.506	(442.672.906.186)	(82.990.941.874)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(454.800.000.000)	(454.800.000.000)
Kết chuyển nguồn	-	209.233.309	-	(209.233.309)	-	-	-	-	-
Khác	-	-	-	(229.093.872)	-	(1.915.614.125)	-	-	(2.144.707.997)
Số dư tại 31/12/2009	3.800.000.000.000	209.233.309	(43.296.089.299)	302.757.044.494	201.745.548.833	(1.915.614.125)	229.923.506	1.228.173.483.976	5.487.903.530.694
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	1.703.175.990.418	1.703.175.990.418
Mua cổ phiếu Quỹ (1)	-	-	(39.981.041.328)	-	-	-	-	-	(39.981.041.328)
Trích từ lợi nhuận (2)	-	-	-	547.413.566.679	139.966.665.612	-	112.672.197	(772.925.968.555)	(85.433.064.067)
Trả cổ tức (3)	-	-	-	-	-	-	-	(871.645.420.000)	(871.645.420.000)
Hợp nhất Công ty Phát triển nhà Miền Nam	-	-	-	-	-	-	-	1.188.927.900	1.188.927.900
Khác	-	47.888.689	-	(276.987.689)	-	(1.614.533.927)	-	393.655.858	(1.449.977.069)
Số dư tại 31/12/2010	3.800.000.000.000	257.121.998	(83.277.130.627)	849.893.623.484	341.712.214.445	(3.530.148.052)	342.595.703	1.288.360.669.597	6.193.758.946.548

(1): Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện mua tổng số 1.352.260 cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 13 tháng 7 năm 2010. Giá bình quân cổ phiếu quỹ mua vào là 29.566 đồng/cổ phiếu.

(2): Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung các quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính của Tổng Công ty với số tiền tương ứng 528.346.030.875 đồng và 128.110.079.818 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16 tháng 4 năm 2010.

(3): Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16 tháng 4 năm 2010, Tổng Công ty đã công bố và chi trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 758.000.000.000 đồng (2.000 đồng/cổ phần), trong đó việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 là 265.300.000.000 đồng (700 đồng/cổ phần) đã được thực hiện vào ngày 27 tháng 7 năm 2009. Ngày 27 tháng 5 năm 2010, Tổng Công ty đã công bố về việc chi trả cổ tức đợt 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sau khi trích lập các quỹ, theo đó Tổng Công ty đã trích 492.700.000.000 đồng. Ngày 29 tháng 7 năm 2010, Tổng Công ty đã công bố về việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 với mức 1.000 đồng/cổ phần (10% mệnh giá), theo đó Tổng Công ty đã tạm trích 378.945.420.000 đồng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Chi tiết vốn điều lệ của Tổng Công ty như sau:

Tên cổ đông	Tỷ lệ	31/12/2010	31/12/2009
	(%)	VNĐ	VNĐ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	61,37	2.332.042.530.000	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	38,63	1.467.957.470.000	1.467.957.470.000
	100	3.800.000.000.000	3.800.000.000.000

Số lượng cổ phần Tổng Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 380.000.000 cổ phần, trong đó Tổng Công ty đang nắm giữ 2.352.260 cổ phiếu quỹ tương đương với 2.352.260 cổ phần. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị thuần của Tổng Công ty.

21 LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Bao Bì Đạm Phú Mỹ (“Bao Bì”) và Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam (“PVSBD”). Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại Công ty Bao Bì Đạm Phú Mỹ và PVSBD được xác định như sau:

	Bao Bì	PVSBD
	VNĐ	VNĐ
Vốn điều lệ của công ty con	42.000.000.000	55.000.000.000
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	21.410.000.000	41.250.000.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	20.590.000.000	13.750.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	49,02%	25%

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Tổng tài sản	47.856.087.163	32.142.807.022
Tổng nợ phải trả	(11.393.635.978)	(10.668.330.411)
Tài sản thuần	36.462.451.185	21.474.476.611
Chi tiết như sau:		
Vốn điều lệ	34.340.000.000	20.590.000.000
Các quỹ khác	2.026.387.779	884.476.611
Lợi nhuận chưa phân phối	96.063.406	-

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

21 LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm như sau:

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trong năm	8.717.615.438	6.078.165.388
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	3.693.114.240	2.979.759.801

22 DOANH THU VÀ GIÁ VỐN THEO BỘ PHẬN KINH DOANH

Công ty báo cáo hoạt động theo hai bộ phận kinh doanh bao gồm kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước và kinh doanh hàng hóa nhập khẩu. Kết quả kinh doanh theo bộ phận trong năm như sau:

Năm 2010

	Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Doanh thu	5.091.424.261.250	1.527.359.737.168	6.618.783.998.418
Giá vốn hàng bán	(2.712.101.346.028)	(1.523.993.481.875)	(4.236.094.827.903)
Trong đó: Trích lập dự phòng	-	(3.425.871.433)	(3.425.871.433)
Lợi nhuận gộp	2.379.322.915.222	3.366.255.293	2.382.689.170.515

Năm 2009

	Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Doanh thu	4.046.091.632.529	2.583.969.210.218	6.630.060.842.747
Giá vốn hàng bán	(2.110.890.104.263)	(2.533.926.267.225)	(4.644.816.371.488)
Trong đó: Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	635.717.356.292	635.717.356.292
Lợi nhuận gộp	1.935.201.528.266	50.042.942.993	1.985.244.471.259

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu urê	4.790.081.223.736	3.860.461.442.480
Doanh thu Amoniac	186.892.922.107	135.391.219.794
Doanh thu điện	10.201.609.113	3.728.592.061
Doanh thu khác	134.105.121.710	54.960.813.865
	5.121.280.876.666	4.054.542.068.200
Chiết khấu thương mại	(26.999.472.560)	(8.117.630.908)
Giảm giá hàng bán	(2.857.142.856)	(152.914.286)
Hàng bán trả lại	-	(179.890.477)
	5.091.424.261.250	4.046.091.632.529

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

23 DOANH THU VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	338.756.648.665	168.125.540.244
Chênh lệch tỷ giá	346.710.370	10.676.287.799
Khác	3.988.293.500	2.395.878.699
	343.091.652.535	181.197.706.742
Chi phí hoạt động tài chính		
Lãi tiền vay	8.349.710.449	15.593.584.232
Chênh lệch tỷ giá	62.423.713.405	65.078.190.459
Khác	10.261.038.967	-
	81.034.462.821	80.671.774.691
Lãi hoạt động tài chính	262.057.189.714	100.525.932.051

24 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	226.887.699.805	138.968.365.930
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước bổ sung	627.062.405	24.879.374.920
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	227.514.762.210	163.847.740.850

Đối với hoạt động kinh doanh phân đạm sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% cho bảy năm tiếp theo (kể từ năm 2008). Năm 2010 là năm thứ ba Tổng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động chính do đây là năm thứ bảy kinh doanh có lãi (kể từ khi đi vào hoạt động).

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Các công ty con của Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% và không được hưởng ưu đãi nào về thuế.

25 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên các cơ sở số liệu sau:

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.703.175.990.418	1.348.304.122.440
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	378.560.156	379.112.194
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.499	3.557

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

26 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	561.095.083.834	300.492.320.552
Cổ tức trả Tập đoàn	536.369.781.900	279.845.103.600
Phí Quản lý nộp Tập đoàn	24.725.301.934	20.647.216.952
Bán đạm cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	271.585.801.409	272.129.064.887
Mua khí đầu vào từ Tổng Công ty Khí Việt Nam	1.346.190.365.185	717.114.952.171
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	8.667.818.706	7.791.275.110

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	6.897.966.116	5.842.233.321
Phải trả Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	-	32.967.493.323
Phải trả Tổng Công ty khí Việt Nam	-	87.518.892.820
Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	6.111.413.273
Ứng trước Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	13.622.700.000
Phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	-	12.868.000.000
Ủy thác vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	250.000.000.000	-
Ủy thác vốn tại Tổng Công ty CP Tài chính Dầu khí	1.171.200.000.000	790.000.000.000

27 CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Từ ngày 3 tháng 9 năm 2005, Tổng Công ty đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 1 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 3 tháng 9 năm 2004 với tiền thuê và phí sử dụng hạ tầng phải trả hàng năm là 343.993 Đô la Mỹ/năm.

Ngày 2 tháng 6 năm 2008, Công ty đã ký Hợp đồng số 015 GT/2008-HDTC với Công ty Cổ phần Gemadept thuê văn phòng với thời hạn 3 năm và giá trị là 16,4 tỷ đồng/năm.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, lịch thanh toán các khoản cam kết thuê như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	14.346.601.261	25.659.719.029
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	22.924.219.188	31.446.418.044
Sau năm năm	28.702.378.545	35.377.686.768
	65.973.198.994	92.483.823.841

Cam kết vốn

Theo Quyết định số 751/QĐ-PBHC ngày 27 tháng 7 năm 2009, Hội ồng Quản Trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư Kho cảng tổng hợp 20.000 DWT tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (giai đoạn 1) với tổng mức đầu tư là 347.112.911.828 đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 126.023.047.507 đồng.

Báo cáo tài chính *Công ty Mẹ*

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ (104-105)

Báo cáo Ban Tổng Giám đốc (106-107)

Báo cáo Kiểm toán độc lập (108-109)

Bảng cân đối kế toán (110)

Báo cáo kết quả

hoạt động kinh doanh (111)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (112)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (113-128)

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Minh Tiến	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2011)
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2011)
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2011)
Ông Cao Hoài Dương	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2011)
Ông Phạm Đăng Nam	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2011)
Ông Bùi Quang Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Hòa	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2010)
Ông Phan Đình Đức	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2010)
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Chu Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 2 năm 2011
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số: 130/2011/Deloitte-AUDHCM-RE

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN

Các thuyết minh kèm theo từ trang 113 đến trang 128 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 4 đến trang 23. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KIỂM TOÁN VIÊN

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

CƠ SỞ CỦA Ý KIẾN

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý KIẾN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 18 tháng 2 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Phạm Văn Tân
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0401/KTV

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: đồng	
			31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.844.444.364.716	2.962.529.126.010
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.876.483.097.099	2.196.286.702.433
1. Tiền	111		88.483.097.099	46.286.702.433
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.788.000.000.000	2.150.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.000.000.000	25.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	25.000.000.000	25.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		291.992.118.625	143.886.240.544
1. Phải thu của khách hàng	131		14.684.146.491	8.572.997.463
2. Trả trước cho người bán	132		105.466.633.264	63.741.042.127
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	7	105.647.033.838	16.978.026.870
4. Các khoản phải thu khác	135		66.377.346.981	54.716.220.448
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(183.041.949)	(122.046.364)
IV. Hàng tồn kho	140	8	568.339.288.553	546.782.385.823
1. Hàng tồn kho	141		568.339.288.553	546.782.385.823
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		82.629.860.439	50.573.797.210
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.351.032.143	6.202.490.267
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		61.542.163.173	35.188.036.288
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	128.316.487
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.736.665.123	9.054.954.168
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.297.663.668.488	3.218.187.423.983
I. Tài sản cố định	220		1.498.868.700.324	1.530.191.530.843
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	761.321.147.926	797.558.526.018
- Nguyên giá	222		6.134.127.922.277	5.523.697.124.523
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.372.806.774.351)	(4.726.138.598.505)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	27.555.900.904	27.657.707.846
- Nguyên giá	228		199.325.526.875	176.722.446.555
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(171.769.625.971)	(149.064.738.709)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	709.991.651.494	704.975.296.979
II. Bất động sản đầu tư	240	12	260.997.855.414	88.459.243.500
- Nguyên giá	241		263.664.026.037	88.855.650.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.666.170.623)	(396.406.500)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.226.251.357.921	1.301.905.051.760
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	892.660.000.000	851.410.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	14	20.000.000.000	31.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	313.591.357.921	419.495.051.760
IV. Tài sản dài hạn khác	260		311.545.754.829	297.631.597.880
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	296.600.179.592	295.563.179.093
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	14.813.075.437	2.033.418.787
3. Tài sản dài hạn khác	268		132.499.800	35.000.000
TỔNG TÀI SẢN	270		7.142.108.033.204	6.180.716.549.993

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh kèm theo từ trang 113 đến trang 128 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

MẪU B 01-DN

MẪU B 02-DN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh kèm theo từ trang 113 đến trang 128 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

				Đơn vị: đồng
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.039.824.634.016	749.743.309.737
I. Nợ ngắn hạn	310		778.752.651.382	516.643.308.992
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	82.029.192.368	-
2. Phải trả cho người bán	312		347.493.535.145	208.028.662.837
3. Người mua trả tiền trước	313		19.639.300.000	584.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	47.852.850.247	106.703.326.815
5. Phải trả người lao động	315		43.123.221.554	34.186.001.560
6. Chi phí phải trả	316	19	182.976.389.083	99.392.057.031
7. Phải trả nội bộ	317		20.719.981.292	11.688.318.521
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		12.460.169.186	11.032.316.691
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		22.458.012.507	45.612.041.537
II. Nợ dài hạn	330		261.071.982.634	233.100.000.745
1. Vay và nợ dài hạn	334	20	246.087.577.105	216.974.174.175
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9.444.356.903	9.913.672.900
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		5.540.048.626	6.212.153.670
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.102.283.399.188	5.430.973.240.256
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	6.102.283.399.188	5.430.973.240.256
1. Vốn điều lệ	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(83.277.130.627)	(43.296.089.299)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		310.231.342	310.157.521
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		835.237.972.349	291.045.353.197
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		333.085.317.442	194.258.112.775
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.216.927.008.682	1.188.655.706.062
TỔNG NGUỒN VỐN	440		7.142.108.033.204	6.180.716.549.993

				Đơn vị: đồng
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.776.554.836.067	4.474.936.922.487
2. Các khoản giảm trừ	02		40.946.100.937	522.077.050
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	4.735.608.735.130	4.474.414.845.437
4. Giá vốn hàng bán	11	22	2.596.760.833.227	2.634.838.998.943
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.138.847.901.903	1.839.575.846.494
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	356.304.242.378	153.445.090.745
7. Chi phí tài chính	22	23	79.986.692.661	45.147.497.209
8. Chi phí bán hàng	24		298.770.119.631	261.927.708.797
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		329.949.510.920	240.090.225.516
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		1.786.445.821.069	1.445.855.505.717
11. Thu nhập khác	31		13.232.506.903	11.513.112.704
12. Chi phí khác	32		2.698.533.388	5.061.602.253
13. Lợi nhuận khác	40		10.533.973.515	6.451.510.451
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.796.979.794.584	1.452.307.016.168
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	176.936.737.983	149.823.577.620
16. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	17	12.779.656.650	4.962.861.089
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.632.822.713.251	1.297.520.577.459



Nguyễn Văn Tòng
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 2 năm 2011

Handwritten signature

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tòng
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 2 năm 2011

Handwritten signature

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

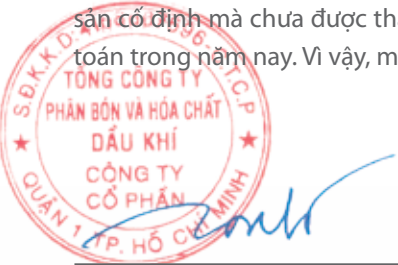
Các thuyết minh kèm theo từ trang 113 đến trang 128 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 03-DN

CHỈ TIÊU		Mã số	2010	Đơn vị: đồng 2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.796.979.794.584	1.452.307.016.168	
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02	673.180.983.042	1.028.054.539.651	
Các khoản dự phòng	03	60.995.585	(611.031.994.036)	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	10.065.177.076	3.440.803.744	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(262.610.144.144)	(153.019.038.843)	
Chi phí lãi vay	06	7.633.940.298	-	
3. Lưu chuyển tiền thuần trước thay đổi vốn lưu động	08	2.225.310.746.441	1.719.751.326.684	
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(144.041.136.225)	548.409.151.281	
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(21.556.902.730)	1.104.608.534.894	
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	349.694.799.167	(95.853.867.901)	
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(5.185.542.375)	92.934.987.130	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(236.371.210.251)	(47.607.695.386)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(101.020.146.709)	(65.690.760.564)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.066.830.607.318	3.256.551.676.138	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(757.597.161.880)	(740.972.256.356)	
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	22	165.000.000	-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(25.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi các khoản đầu tư	24	-	10.000.000.000	
5. Tiền chi đầu tư dài hạn	25	(106.539.115.000)	(887.682.927.894)	
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	286.313.394.634	130.535.668.516	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(577.657.882.246)	(1.513.119.515.734)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32	(39.981.041.328)	(8.243.245.724)	
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	101.077.418.222	213.533.370.431	
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(870.072.707.300)	(453.518.327.036)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(808.976.330.406)	(248.228.202.329)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	680.196.394.666	1.495.203.958.075	
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	2.196.286.702.433	700.794.827.850	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	287.916.508	
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	2.876.483.097.099	2.196.286.702.433	

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 44.141.948.337 đồng là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định mà chưa được thanh toán và bao gồm 105.395.594.791 đồng là giá trị tài sản mua năm trước nhưng thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 2 năm 2011

Handwritten signature in blue ink.

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi ngày 15 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí – Công ty Cổ phần (“Công ty”) được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Tổng Công ty, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 5 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1.137 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 1.138 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác; các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Sản xuất kinh doanh điện; Kinh doanh bất động sản, mua bán hàng nông lâm sản, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản và đào tạo nghề.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và báo cáo văn phòng Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần. Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong Công ty được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính của Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 31 tháng 12 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng các hướng dẫn tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC này vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Ảnh hưởng của việc áp dụng hướng dẫn kế toán mới được trình bày tại thuyết minh số 25.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá gốc nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị sổ sách của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 (thay thế Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003) do Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 như sau:

	Năm 2010	Năm 2009
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 20	6 - 20
Máy móc, thiết bị	3 - 6	3 - 6
Phương tiện vận tải	6	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền sáng chế, giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, Thành phố Hồ Chí Minh và công trình Siêu thị và Cao ốc văn phòng ở Cà Mau do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Năm
Quyền sử dụng đất	49
Công trình kiến trúc	25

Công ty không trích khấu hao cho bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh vì quyền sử dụng đất này là không thời hạn.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất, chi phí lợi thế kinh doanh và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với số tiền 531.700.794.477 đồng và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 6 năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2007. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, việc phân bổ lợi thế kinh doanh trong thời gian 6 năm là phù hợp quy định về tài chính đối với doanh nghiệp cổ phần hóa của Nhà nước, cũng như phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí bảo hiểm tài sản. Chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ theo thời gian thực tế mua bảo hiểm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn, lãi nhận được từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và chênh lệch tỷ giá phát sinh được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	1.288.972.826	1.131.247.776
Tiền gửi ngân hàng	87.194.124.273	45.155.454.657
Các khoản tương đương tiền	2.788.000.000.000	2.150.000.000.000
	2.876.483.097.099	2.196.286.702.433

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 10.5%/năm đến 14%/năm.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 10%/năm đến 11.2%/năm.

7. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công ty TNHH MTV TM dịch vụ Phân bón và Hóa chất dầu khí	9.080.516.500	-
Công ty Cổ phần Phân bón hóa chất dầu khí Miền Trung	55.344.778.203	-
Công ty Cổ phần Phân bón hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ	36.032.880.377	16.767.277.150
Công ty TNHH Phân bón hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	5.188.858.758	210.749.720
	105.647.033.838	16.978.026.870

Phải thu nội bộ ngắn hạn chủ yếu phản ánh các khoản Công ty bán hàng cho các công ty con trong năm.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Hàng mua đang đi trên đường	64.496.408.239	25.998.134.017
Nguyên liệu, vật liệu	237.357.143.166	312.794.659.063
Công cụ, dụng cụ	2.046.691.861	1.165.454.376
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.861.228.348	9.418.157.519
Thành phẩm	89.439.656.697	76.391.190.004
Hàng hóa	165.138.160.242	121.014.790.844
	568.339.288.553	546.782.385.823

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	702.328.719.343	4.747.965.605.605	57.147.032.152	16.255.767.423	5.523.697.124.523
Mua trong năm	220.500.000	760.478.923	7.904.999.136	10.708.622.781	19.594.600.840
XDCB hoàn thành	67.148.102.216	514.809.813.706	1.765.378.091	8.764.834.520	592.488.128.533
Thanh lý trong năm	-	-	(595.655.182)	(1.056.276.437)	(1.651.931.619)
Tại ngày 31/12/2010	769.697.321.559	5.263.535.898.234	66.221.754.197	34.672.948.287	6.134.127.922.277
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2010	441.481.010.347	4.232.642.153.408	43.663.795.896	8.351.638.854	4.726.138.598.505
Khấu hao trong năm	95.341.345.539	538.541.451.470	8.687.156.748	5.636.377.900	648.206.331.657
Thanh lý trong năm	-	-	(481.879.374)	(1.056.276.437)	(1.538.155.811)
Tại ngày 31/12/2010	536.822.355.886	4.771.183.604.878	51.869.073.270	12.931.740.317	5.372.806.774.351
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	232.874.965.673	492.352.293.356	14.352.680.927	21.741.207.970	761.321.147.926
Tại ngày 31/12/2009	260.847.708.996	515.323.452.197	13.483.236.256	7.904.128.569	797.558.526.018

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 5.455.437.918.673 đồng (31/12/2009: 585.638.484.423 đồng).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền sáng chế VNĐ	Quyền sử dụng đất VNĐ	Tài sản cố định vô hình khác VNĐ	Phần mềm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	159.117.493.074	-	9.538.318.032	8.066.635.449	176.722.446.555
Mua trong năm	-	-	-	9.094.055.400	9.094.055.400
Chuyển từ XDCB	-	12.406.575.000	-	1.102.449.920	13.509.024.920
Tại ngày 31/12/2010	159.117.493.074	12.406.575.000	9.538.318.032	18.263.140.769	199.325.526.875
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2010	139.327.696.854	-	8.352.016.197	1.385.025,658	149.064,738.709
Trích trong năm	19.789.796.220	-	1.186.301.835	1.728.789.207	22.704.887.262
Tại ngày 31/12/2010	159.117.493.074	-	9.538.318.032	3.113.814.865	171.769.625.971
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	-	12.406.575.000	-	15.149.325.904	27.555.900.904
Tại ngày 31/12/2009	19.789.796.220	-	1.186.301.835	6.681.609.791	27.657.707.846

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	704.975.296.979	163.619.037.312
Tăng trong năm	667.654.859.186	751.343.194.903
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(592.488.128.533)	(209.986.935.236)
Kết chuyển sang tài sản vô hình	(13.509.024.920)	-
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	(174.808.376.037)	-
Phân loại lại	182.192.808.839	-
Giảm khác	(64.025.784.020)	-
Số dư cuối năm	709.991.651.494	704.975.296.979

Theo Quyết định số 033/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 3 năm 2008, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thu hồi CO₂ từ khói thải Primary Reformer nâng công suất Nhà máy Đạm Phú Mỹ từ 740.000 tấn lên 800.000 tấn Urea/năm với tổng mức đầu tư là 368.757.439.000 đồng và đã được điều chỉnh là 606.869.000.000 đồng theo Quyết định số 164/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 10 năm 2008. Ngày 15 tháng 9 năm 2010, công trình Hệ thống thu hồi CO₂ từ khói thải Primary Reformer đã hoàn thành và đưa vào hoạt động. Tổng giá trị công trình quyết toán và đã được kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư là 504.561.492.471 đồng.

Theo Quyết định số 138/NQ- DKVN ngày 7 tháng 1 năm 2011 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, Tổng Công ty đã quyết định tạm dừng các công tác chuẩn bị đầu tư Dự án sản xuất phân bón DAP tại Ma-rốc do hiệu quả kinh tế của Dự án không khả thi. Do vậy, toàn bộ chi phí đã chi trả cho các hợp đồng đã ký kết đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 để thực hiện dự án DAP Marốc là 36.182.666.387 đồng đã được ghi nhận chi phí quản lý trong năm 2010.

Theo hợp đồng Hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác số 107/HĐHTXD-KT ngày 29 tháng 6 năm 2009, Công ty cùng với các bên Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Dầu Việt Nam góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án “Tòa nhà văn phòng”, tạo ra một tài sản đồng kiểm soát giữa các bên, tại địa điểm 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, thành phố Hồ Chí Minh. Theo hợp đồng chuyển nhượng số 40/2010/HĐCN/PVFC Land-PVFC-PVFCCo- PV Oil ngày 12 tháng 8 năm 2010, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam đã chuyển nhượng phần vốn góp cho Tổng Công ty. Theo đó, Công ty và Tổng Công ty Dầu Việt Nam cùng hợp tác đầu tư vào dự án này theo tỷ lệ lần lượt là 75% và 25% sau khi chuyển nhượng. Tổng giá trị đầu tư của dự án khoảng 880,23 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã góp vào dự án là 432.199.782.107 đồng.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Tại ngày 1/1/2010 VNĐ	Kết chuyển từ XDCB VNĐ	Tại ngày 31/12/2010 VNĐ
NGUYÊN GIÁ	88.855.650.000	174.808.376.037	263.664.026.037
Quyền sử dụng đất	49.215.000.000	50.284.152.000	99.499.152.000
Công trình kiến trúc	39.640.650.000	124.524.224.037	164.164.874.037
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	396.406.500	2.269.764.123	2.666.170.623
Quyền sử dụng đất	-	684.138.123	684.138.123
Công trình kiến trúc	396.406.500	1.585.626.000	1.982.032.500
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	88.459.243.500		260.997.855.414
Quyền sử dụng đất	49.215.000.000		98.815.013.877
Công trình kiến trúc	39.244.243.500		162.182.841.537

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, Thành phố Hồ Chí Minh và công trình Siêu thị và Cao ốc Cà Mau đã hoàn thành, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do Công ty không có ý định bán hay chuyển nhượng lại trong tương lai gần. Toàn bộ bất động sản đầu tư của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh được Công ty cho Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ (công ty con của Công ty) thuê lại.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tên công ty con	Thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	31/12/2010 VNĐ	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV TM dịch vụ Phân bón và Hóa chất dầu khí	TP. Hồ Chí Minh	100	500.000.000.000	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón hóa chất dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	100	80.000.000.000	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ	Tp. Cần Thơ	100	100.000.000.000	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty TNHH Phân bón hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	TP. Hồ Chí Minh	100	85.000.000.000	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty TNHH MTV Phân bón hóa chất dầu khí Miền Bắc	Tp. Hà Nội	100	65.000.000.000	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	51	21.410.000.000	Sản xuất bao bì
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Tp.Hồ Chí Minh	75%	41.250.000.000	Đầu tư kinh doanh bất động sản
			892.660.000.000	

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Mẫu B 09-DN

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (tiếp theo)

Theo Nghị quyết số 119/NQ- PBHC ngày 24 tháng 6 năm 2010 và Hợp đồng số 256/2010/PVGAS /TC- PVFCCo/D4 ngày 26 tháng 11 năm 2010, Công ty mua thêm số cổ phần Công ty cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí miền Nam từ Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Khí Việt Nam. Theo đó, Công ty sở hữu Công ty cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí miền Nam tương ứng với tỷ lệ đầu tư là 60% kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2010 và tăng lên tỷ lệ 75% từ ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Theo nghị quyết số 1929/NQ-DKVN ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí - Công ty cổ phần, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển đổi các công ty con thành công ty cổ phần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất dầu khí Miền Trung và Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ đã chuyển đổi thành công ty cổ phần; Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ và Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất dầu khí Miền Bắc đang thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh chuyển đổi thành thành công ty cổ phần.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Tên công ty	Thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu vốn (%)	31/12/2010 VNĐ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Cà Mau)	Tp. Cà Mau	20%	20.000.000.000	Thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp
			20.000.000.000	

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Góp vốn vào Dự án 43 Mạc Đĩnh Chi	-	182.192.808.839
Góp vốn vào Công ty CP Hóa dầu và Xơ sợi tổng hợp Petrovietnam - Vinatex Đình Vũ	270.000.000.000	215.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	43.591.357.921	22.302.242.921
	313.591.357.921	419.495.051.760

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư dài hạn và không có khoản đầu tư nào giảm giá do vậy Công ty không phải trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trả trước tiền thuê đất	6.180.076.651	12.195.594.213
Lợi thế kinh doanh	177.233.598.148	265.850.397.236
Chi phí trả trước khác	113.186.504.793	17.517.187.644
	296.600.179.592	295.563.179.093

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Mẫu B 09-DN

Tiền thuê đã trả trước phản ánh số tiền thuê 634.595,35 m2 đất được trả trước cho Công ty Đầu tư và Khai thác Hạ tầng KCN Đông Xuyên và Phú Mỹ 1 với thời gian thuê là 17 năm từ ngày 3 tháng 9 năm 2004.

Chi phí trả trước khác bao gồm các loại vật tư, phụ tùng thay thế đang sử dụng ở Nhà Máy Đạm Phú Mỹ được phân bổ trong vòng 6 năm với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 77.125.097.319 đồng; và số tiền còn lại chủ yếu là các chi phí đào tạo học viên cho nhà máy đạm Cà Mau, công cụ dụng cụ chờ phân bổ và tiền thuê đã trả trước theo các hợp đồng thuê.

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm như sau:

	Dự phòng trợ cấp thôi việc	Doanh thu chưa thực hiện	Lợi nhuận chưa thực hiện	Chi phí trích trước	Tổng
Tại ngày 1/1/2010	545.148.875	(465.867.725)	-	1.954.137.637	2.033.418.787
Ghi nhận trong năm	(545.148.875)	1.850.879.882	613.429.889	10.860.495.754	12.779.656.650
Tại ngày 31/12/2010	-	1.385.012.157	613.429.889	12.814.633.391	14.813.075.437

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.308.171.284	105.742.643.552
Thuế thu nhập cá nhân	1.544.678.963	960.683.263
	47.852.850.247	106.703.326.815

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	147.231.991.964	64.864.112.407
Chi phí an sinh xã hội	11.092.663.603	14.030.000.000
Chi phí mua kho Nghi Sơn	-	5.909.090.909
Khác	24.651.733.516	14.588.853.715
	182.976.389.083	99.392.057.031

Trong năm 2010, Công ty đã trích trước 147.231.991.964 đồng cho chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy Đạm Phú Mỹ trong năm 2011.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

20. VAY DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Ngân hàng TMCP Á Châu và Tổng Công ty CP Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	246.087.577.105	216.974.174.175
	246.087.577.105	216.974.174.175

Khoản vay của Công ty theo Hợp đồng tín dụng số 60095579 ngày 29 tháng 5 năm 2009 với Tổng Công ty Tàichính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu và Ngân hàng TMCP Á Châu với số tiền vay là 23.905.925 Đô la Mỹ, trong đó Ngân hàng TMCP Á Châu cho vay 7.200.000 Đô la Mỹ, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu cho vay 16.705.925 Đô la Mỹ. Mục đích của khoản vay là thanh toán chi phí đầu tư Hệ thống thu hồi CO₂ từ khói thải Primary Reformer nâng công suất Nhà máy Đạm Phú Mỹ từ 740.000 tấn lên 800.000 tấn Urea /năm. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn là 24 tháng, thời gian trả nợ gốc là 96 tháng kể từ khi kết thúc thời gian ân hạn.

Hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất CO₂ hình thành qua đầu tư dự án theo các điều khoản của Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay số SGD.TK.01140509 ngày 19 tháng 5 năm 2009 và Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai số SGD.CCO.01140509 ngày 19 tháng 5 năm 2009. Lãi suất vay phụ thuộc đồng tiền giải ngân và được xác định trên cơ sở không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu của Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu hoặc lãi suất cho vay ưu đãi bình quân của Ngân hàng TMCP Á Châu và Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư nợ vay của hợp đồng này là 17.331.332 đô la Mỹ tương đương 328.116.769.473 đồng, trong đó, Ngân hàng thương mại Á Châu là 5.199.302 đô la Mỹ tương đương 98.433.190.955 đồng và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí là 12.132.029 đô la Mỹ tương đương 229.683.578.518 đồng.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	82.029.192.368	-
Trong năm thứ hai	82.029.192.368	13.560.885.886
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	164.058.384.737	81.365.315.316
Sau năm năm	-	122.047.972.973
	328.116.769.473	216.974.174.175
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	82.029.192.368	-
Số phải trả sau 12 tháng	246.087.577.105	216.974.174.175

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

MẪU B 09-DN/HN

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Số dư tại 1/1/2009	3.800.000.000.000	(35.052.843.575)	85.605.600.694	57.070.400.463	-	768.105.050.196	4.675.728.207.778
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.297.520.577.459	1.297.520.577.459
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	-	(8.243.245.724)	-	-	-	(8.243.245.724)	(8.243.245.724)
Trích từ lợi nhuận	-	-	205.668.843.412	137.187.712.312	-	(422.169.921.593)	(79.313.365.869)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(454.800.000.000)	(454.800.000.000)
Chi quỹ	-	-	(229.090.909)	-	-	-	(229.090.909)
Khác	-	-	-	-	310.157.521	-	310.157.521
Số dư tại 31/12/2009	3.800.000.000.000	(43.296.089.299)	291.045.353.197	194.258.112.775	310.157.521	1.188.655.706.062	5.430.973.240.256
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	1.632.822.713.251	1.632.822.713.251
Cổ phiếu quỹ mua trong năm (1)	-	(39.981.041.328)	-	-	-	-	(39.981.041.328)
Trích từ lợi nhuận (2)	-	-	528.346.030.875	128.110.079.818	-	(732.905.990.631)	(76.449.879.938)
Kết chuyển nguồn (3)	-	-	16.075.687.277	10.717.124.849	-	-	26.792.812.126
Trả cổ tức (4)	-	-	-	-	-	(871.645.420.000)	(871.645.420.000)
Khác	-	-	(229.099.000)	-	73.821	-	(229.025.179)
Số dư tại 31/12/2010	3.800.000.000.000	(83.277.130.627)	835.237.972.349	333.085.317.442	310.231.342	1.216.927.008.682	6.102.283.399.188

- (1): Trong năm, Công ty đã thực hiện mua tổng số 1.352.260 cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 13 tháng 7 năm 2010. Giá bình quân cổ phiếu quỹ mua vào là 29.566 đồng/ cổ phiếu.
- (2): Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung các quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính của Công ty với số tiền tương ứng 528.346.030.875 đồng và 128.110.079.818 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16 tháng 4 năm 2010.
- (3): Trong năm, các công ty con kết chuyển Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính về quỹ của Công ty với tổng số tiền lần lượt là 16.075.687.277 đồng và 10.717.124.849 đồng.
- (4): Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16 tháng 4 năm 2010, Công ty đã công bố và chi trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 758.000.000.000 đồng (2.000 đồng/cổ phần), trong đó việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 là 265.300.000.000 đồng (700 đồng/cổ phần) đã được thực hiện vào ngày 27 tháng 7 năm 2009. Ngày 27 tháng 5 năm 2010, Công ty đã công bố về việc chi trả cổ tức đợt 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sau khi trích lập các quỹ, theo đó Công ty đã trích 492.700.000.000 đồng. Ngày 29 tháng 7 năm 2010, Công ty đã công bố về việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 với mức 1.000 đồng/cổ phần (10% mệnh giá), theo đó Công ty đã tạm trích 378.945.420.000 đồng.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:

Tên cổ đông	Tỷ lệ (%)	31/12/2010 VNĐ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	61.37	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	38.63	1.467.957.470.000
	100	3.800.000.000.000

Số lượng cổ phần Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 380.000.000 cổ phần, trong đó Công ty đang nắm giữ 2.352.260 cổ phiếu quỹ tương đương với 2.352.260 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

22. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

	Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước VNĐ	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu VNĐ	Cộng VNĐ
Năm 2010			
Doanh thu	4.692.304.090.466	43.304.644.664	4.735.608.735.130
Giá vốn hàng bán	2.555.839.748.179	40.921.085.048	2.596.760.833.227
Lợi nhuận gộp	2.136.464.342.287	2.383.559.616	2.138.847.901.903
Năm 2009			
Doanh thu	3.851.365.685.445	623.049.159.992	4.474.414.845.437
Giá vốn hàng bán	2.044.942.264.205	589.896.734.738	2.634.838.998.943
Trong đó: Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	611.031.994.036	611.031.994.036
Lợi nhuận gộp	1.806.423.421.240	33.152.425.254	1.839.575.846.494

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Doanh thu URE	4.508.705.348.029	3.710.999.378.214
Doanh thu Amoniac	186.892.922.108	135.391.219.794
Doanh thu điện	10.201.609.113	3.728.592.061
Doanh thu khác	27.450.312.153	1.540.158.140
	4.733.250.191.403	3.851.659.348.209
Chiết khấu thương mại	40.946.100.937	293.662.764
	4.692.304.090.466	3.851.365.685.445

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

23. LÃI HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	272.338.659.153	131.371.250.442
Cổ tức, lợi nhuận được chia	83.657.226.279	21.723.347.880
Khác	308.356.946	350.492.423
	356.304.242.378	153.445.090.745
Chi phí hoạt động tài chính		
Lãi tiền vay	7.633.940.298	-
Chênh lệch tỷ giá	62.278.698.560	45.147.497.209
Khác	10.074.053.803	-
	79.986.692.661	45.147.497.209
Lãi hoạt động tài chính	276.317.549.717	108.297.593.536

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	176.936.737.983	124.944.202.700
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước bổ sung	-	24.879.374.920
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	176.936.737.983	149.823.577.620

Đối với hoạt động kinh doanh phân đạm sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% cho bảy năm tiếp theo (năm 2008). Năm 2010 là năm thứ ba Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động chính do đây là năm thứ bảy kinh doanh có lãi (kể từ khi đi vào hoạt động).

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

25. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Từ ngày 3 tháng 9 năm 2005, Công ty đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 1 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 3 tháng 9 năm 2004 với tiền thuê và phí sử dụng hạ tầng phải trả hàng năm là 343.993 đô la Mỹ/năm.

Ngày 2 tháng 6 năm 2008, Công ty đã ký Hợp đồng số 015 GT/2008-HDTC với Công ty Cổ phần Gemadept thuê văn phòng với thời hạn 3 năm và giá trị là 16,4 tỷ đồng/năm.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Mẫu B 09-DN

25. CÁC KHOẢN CAM KẾT (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, lịch thanh toán các khoản cam kết thuê như sau:

	31/12/2010	12/31/09
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	12.873.721.961	22.361.311.320
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	22.924.219.188	30.096.967.045
Sau năm năm	28.702.378.545	35.377.686.768
	64.500.319.694	87.835.965.134

Cam kết vốn

Theo Quyết định số 751/QĐ-PBHC ngày 27 tháng 7 năm 2009, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư Kho cảng tổng hợp 20.000 DWT tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (giai đoạn 1) với tổng mức đầu tư là 347.112.911.828 đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 126.023.047.507 đồng.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này do việc áp dụng Thông tư số 244/2009/TT-BTC. Chi tiết như sau:

Tài khoản ảnh hưởng	Mã số	Trước khi trình bày lại	Sau khi trình bày lại	Chênh lệch
		VNĐ	VNĐ	VNĐ
NỢ PHẢI TRẢ				
Người mua trả tiền trước	313	6.212.737.670	584.000	6.212.153.670
Doanh thu chưa thực hiện	338	-	6.212.153.670	(6.212.153.670)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	-	45.612.041.537	(45.612.041.537)
NGUỒN VỐN				
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	45.612.041.537	-	45.612.041.537

HÀNH KHÚC ĐẠM PHÚ MỸ



Nhạc & lời: Chu Nam Cường

Sheet music for the song "HÀNH KHÚC ĐẠM PHÚ MỸ" (March of Dam Phu My). The music is in 4/4 time and features a melody with lyrics in Vietnamese. The lyrics describe the beauty of the land and the spirit of the people.

Từ lòng (Là chất)

đất thăm sâu, từ biển xanh ngút ngàn là dòng khí thiêng liêng bao đời non
xám của anh, là mồ hôi của em thành U - rê trắng bay muôn ngàn bông
sông. Vì đồng lúa trĩu bông, vì rừng xanh bạt ngàn, bạn đời
hoa. Vì tình yêu quê hương, vì tình thương đất Việt bạn đời

ơi, xá chi muôn ngàn gian lao. Cho quê hương mạnh giàu bao em
ơi, xá chi muôn ngàn gian lao.

thơ vui cười ĐẠM PHÚ MỸ tiếp vang khúc ca quân hành. Cho tương
lai rạng ngời, cho tươi vui mọi đời ĐẠM PHÚ MỸ CHO MÙA BỘI THU! Cho quê...

THU! ĐẠM PHÚ MỸ CHO MÙA BỘI THU. Là chất...